

ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1029* /UBND- CSDT

V/v thẩm định chính sách đặc thù đầu tư
hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở
xã, thôn có nhiều núi đá, độ dốc lớn
thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai

Hà Nội, ngày *19* tháng 11 năm 2012

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 đến 2020; Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 4/5/2012 của Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011- 2016 và Văn bản số 122/VPCP-TH ngày 07/02/2012 của Văn phòng Chính phủ về việc Danh mục các đề án trong chương trình công tác năm 2012 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Ủy ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương nghiên cứu xây dựng chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành bằng văn bản, Ủy ban Dân tộc đã tiếp thu để hoàn chỉnh dự thảo (xin gửi kèm văn bản tham gia góp ý của các Bộ ngành và dự thảo Tờ trình, Quyết định, Đề án và bản tổng hợp ý kiến của các Bộ ngành).

Ủy ban Dân tộc trân trọng đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định chính sách nêu trên. Ý kiến thẩm định của Quý Bộ xin gửi về Ủy ban Dân tộc để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ.

Rất mong sự hợp tác của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, CN (để báo cáo);
- Các Phó Chủ nhiệm UB;
- Website Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, CSDT (4).

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

PHÓ CHỦ NHIỆM



Sơn Phước Hoan

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2012

BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN

của các Bộ, ngành tham gia góp ý cho Dự thảo Tờ trình và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện chính sách đặc thù đầu tư, hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã thôn, bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai

Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020; thực hiện chương trình công tác năm 2012 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Ủy ban Dân tộc đã chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương liên quan nghiên cứu xây dựng chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai.

Quá trình xây dựng chính sách, Ủy ban Dân tộc đã tiếp thu kiến nghị của các địa phương, của các cử tri đại biểu quốc hội tại các kỳ họp quốc hội khoá XI; Ủy ban Dân tộc đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng chính sách, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan khảo sát, nghiên cứu để xây dựng chính sách tại một số địa phương (Hà Giang, Lai châu, Điện Biên, Cao bằng, Quảng Nam...). Đã ban hành văn bản đề nghị các địa phương (gửi 32 tỉnh) rà soát chính sách, đánh giá hiệu quả việc thực hiện chính sách và đề xuất nhu cầu thực hiện chính sách đặc thù. Tất cả các tỉnh đều đề nghị cần thiết phải xây dựng chính sách đặc thù cho vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn với cơ chế chính sách đặc thù riêng. Ban soạn thảo đã tổ chức 2 cuộc hội thảo vùng (phía Bắc và miền Trung và Tây Nguyên) với đại diện của 29 tỉnh (mỗi tỉnh gồm Đại diện Lãnh đạo các sở ngành như Ban Dân tộc, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội mỗi tỉnh chọn đại diện lãnh đạo của 01 huyện vùng có nhiều núi, độ dốc lớn; Các đại biểu tham dự hội thảo đều nhất trí về chủ trương xây dựng chính sách đặc thù là rất cần thiết

Ủy ban Dân tộc đã tổ chức 02 cuộc hội thảo với các Bộ ngành liên quan. Tại các cuộc hội thảo với Bộ, ngành, các đại biểu đều tán thành xây dựng chính sách đặc thù thực hiện tại vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn...

Sau khi tổng hợp ý kiến tại các cuộc hội thảo và hoàn thiện các văn bản dự thảo, cơ quan soạn thảo đã gửi xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan bằng văn bản, đã đăng tải dự thảo Tờ trình và Quyết định chính sách trên trang tin điện tử của Ủy ban Dân tộc. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc đã hoàn thiện các văn bản dự thảo và báo cáo giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, kính trình Thủ tướng Chính phủ.

1. Những ý kiến thống nhất

Ủy ban Dân tộc gửi xin ý kiến một số bộ, ngành như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội. Cơ bản các Bộ, ngành gửi xin ý kiến đều nhất trí việc xây dựng, ban hành triển khai thực hiện chính sách đặc thù và đồng tình với các văn bản do Ủy ban Dân tộc dự thảo.

2. Một số ý kiến còn khác nhau

Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban Dân tộc chưa trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách này với lý do ngân sách nhà nước năm 2013 rất khó khăn và dự toán 2013 chưa bố trí kinh phí để thực hiện chính sách này. Mặt khác, đối tượng của Bộ Tài chính cho rằng đối tượng của chính sách này là một phần của đối tượng quy định tại Quyết định 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Ủy ban Dân tộc cân nhắc việc trùng lặp chính sách này với các chính sách khác đang thực hiện trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi, đối tượng quy định rõ là đồng bào dân tộc thiểu số và chỉ áp dụng cho hộ nghèo và cận nghèo, tiêu chí để xác định xã thôn bản có nhiều núi đá độ, dốc lớn cần quy định rõ hơn (thiếu nước đối với xã, thôn bản có nhiều núi đá, tiêu chí hạn hán lũ ống lũ quét...). Về nội dung hỗ trợ chỉ hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho cộng đồng hoặc các điểm tái định cư mới, nội dung hỗ trợ gạo thường xuyên chỉ quy định trong trong thời gian ngắn (3-6 tháng) không hỗ trợ thường xuyên như đề nghị của Ủy ban Dân tộc, đề nghị bổ sung hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm; cần tính toán sơ bộ kinh phí dự kiến để thực hiện giai đoạn 2012- 2020, quy định rõ nguồn vốn từ ngân sách địa phương bố trí đối ứng từ 10 – 20%.

Hội đồng Dân tộc về tên gọi chính sách đề nghị sửa lại: « Chính sách đặc thù đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào ở xã thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012- 2020 »

Về đối tượng phạm vi cần phải đánh giá phân loại cụ thể để làm rõ tính đặc thù của chính sách và cho rằng đây là chính sách đầu tư cho cộng đồng đối tượng đề cập đến hộ và nhóm hộ là chưa đủ

Về nội dung chính sách: Cần bổ sung kết quả khảo sát tại các địa phương vùng có vùng núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, đồng thời làm rõ tính đặc thù trong chính sách và dự toán kinh phí để thực hiện

Chính sách nên thiết kế theo hướng: Về thời gian để thực hiện chính sách, về đất ở, về nguồn nước, về đất sản xuất, về hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề nâng cao đời sống.

Bộ Tài nguyên và Môi trường cần bổ sung làm rõ việc hỗ trợ, bố trí, sắp xếp tái định cư đối với hộ ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai như hạn hán, lũ ống lũ quét, rét đậm, rét hại, nguy cơ sạt lở cao, không thể si chuyển được phải di chuyển đến nơi ở mới.

3. Ý kiến giải trình và tiếp thu của Ủy ban Dân tộc

Ủy ban Dân tộc đã nghiêm túc tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, hoàn thiện dự thảo Tờ trình và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Về các ý kiến còn khác nhau, Ủy ban Dân tộc xin giải trình như sau:

- Về tên gọi (ý kiến của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội): Ủy ban Dân tộc xây dựng chính sách Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 đến 2020 và Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 04/3/2012 của Chính phủ về Ban hành chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016.

- Về Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (ý kiến của Bộ Tư pháp): Chính lý lại tên gọi và nội dung dự thảo Quyết định theo hướng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ Ủy ban Dân tộc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh định cư cho đồng bào ở xã thôn bản có nhiều núi đá độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai để thực hiện (kèm theo Quyết định và Đề án).

- Về tính đặc thù của văn bản và cần nhắc sự trùng lặp của chính sách vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai: Ủy ban Dân tộc đã nghiên cứu, khảo sát lựa chọn những vùng có điều kiện địa hình tự nhiên, khí hậu rất khắc nghiệt thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, những vùng khó khăn hơn trong những vùng khó khăn để xây dựng và thực hiện chính sách đặc thù. Khó khăn do địa hình, điều kiện tự nhiên, do khí hậu nên những vùng núi đá, độ dốc lớn thiếu đất sản xuất, thiếu nước sinh hoạt và sản xuất nghiêm trọng (không có nguồn nước). Thời gian qua những vùng này tuy đã có nhiều chương trình chính sách đầu tư cho vùng dân tộc và miền núi, nhưng do nguồn vốn từ ngân sách Trung ương cấp hàng năm thấp, nên nhiều công trình cơ sở hạ tầng, nhiều chính sách chỉ mới xây dựng đến huyện, đến trung tâm xã, chưa đến được các thôn, bản, các nhóm hộ ở vùng sâu, vùng xa; các chính sách thực hiện ở vùng khó khăn còn mang tính bình quân, các

vùng địa bàn rộng hơn, đi lại khó hơn chưa được ưu tiên đầu tư cao hơn nên đời sống của đồng bào còn hết sức khó khăn, nếu tiếp tục thực hiện chính sách như hiện nay khoảng cách giữa các vùng dân tộc tại các địa bàn này có nguy cơ ngày một gia tăng.

Ủy ban Dân tộc cho rằng rất cần thiết phải thực hiện chính sách này nhằm phát triển kinh tế xã hội, ổn định đời sống cho đồng bào các dân tộc (cả dân tộc Kinh và dân tộc thiểu số), đảm bảo an sinh xã hội và an ninh chính trị cho vùng dân tộc và miền núi. Ủy ban Dân tộc trân trọng đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo cân đối nguồn kinh phí để thực hiện chính sách đặc thù này vì đây là những vùng còn khó khăn nhất trong cả nước.

Về các ý kiến cần tính toán sơ bộ kinh phí để thực hiện chính sách (Hội đồng dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư), dự kiến có bao nhiêu hộ, bao nhiêu thôn bản, xã Hội đồng Dân tộc), làm rõ phương dự kiến huy động vốn (Bộ Tư pháp): Trong dự thảo tờ trình và Quyết định đã đưa ra bộ tiêu chí để lựa chọn các xã, thôn, bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn gắn với ảnh hưởng của thiên tai để thực hiện chính sách. Sau khi Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành (đây có thể coi là chính sách khung) các địa phương tổ chức rà soát, khảo sát xây dựng các dự án cụ thể, tổng hợp và phê duyệt đề án để thực hiện. Ủy ban Dân tộc phối hợp với các bộ ngành liên quan sẽ tổng hợp các đề án của địa phương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch để thực hiện. Vì vậy tại Quyết định này chưa dự toán kinh phí và dự kiến các xã, thôn bản vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn.

Vì tính đặc thù của chính sách này là: Chỉ được thực hiện chính sách cho những vùng khó khăn nhất (theo tiêu chí quy định). Đầu tư hỗ trợ theo thực tế dự án của địa phương được tổng hợp phê duyệt. Nếu trên cùng một địa bàn thực hiện nhiều chính sách có cùng nội dung thì chỉ thực hiện một chính sách với định mức cao hơn, sẽ không có sự trùng lặp chính sách.

Về ý kiến không hỗ trợ gạo ăn thường xuyên cho đồng bào dân tộc, chỉ quy định hỗ trợ gạo ăn trong thời gian bị thiên tai từ 3-6 tháng (Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Ủy ban Dân tộc cho rằng việc hỗ trợ gạo ăn thường xuyên cho đồng bào ở vùng nhiều núi đá, độ dốc lớn là rất cần thiết để đồng bào yên tâm định cư, không di dân đi nơi khác đảm bảo ổn định đời sống vì những lý do sau:

Thứ nhất, những vùng này thiếu đất sản do điều kiện tự nhiên là vùng núi đá, độ dốc lớn không có khả năng canh tác, lương thực chính chủ yếu là ngô (trồng 1 vụ);

Thứ hai, những vùng này thường xuyên bị ảnh hưởng của khí hậu khắc nghiệt rất khó khăn cho sản xuất;

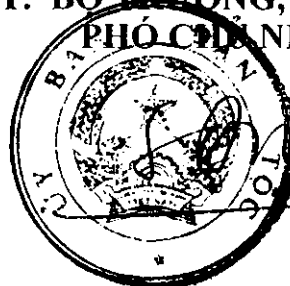
Thứ ba, chỉ hỗ trợ cho đồng bào từ 10-13kg/người/tháng để đảm bảo ổn định đời sống, để đồng bào không bị đói đứt bữa, đói giáp hạt, số lương thực còn thiếu cho 1 người/tháng đồng bào tự sản xuất.

Trên đây là báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, Ủy ban Dân tộc đã tiếp thu chỉnh sửa, hoàn thiện văn bản.

Nơi nhận :

- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Lưu VT, CSDT (4).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
PHÓ CHỦ NHIỆM**



Sơn Phước Hoan

www.LuatVietnam.vn

Số: /2012/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2012

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012- 2020

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

Thủ tướng Chính phủ Quyết định ban hành chính sách đầu tư hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012 - 2020.

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Hộ, nhóm hộ đồng bào các dân tộc cư trú ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai trên phạm vi cả nước.

Điều 2. Tiêu chí xác định xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai.

1. Thôn, bản có nhiều núi đá phải có đủ các tiêu chí sau:

- a) Là thôn, bản thuộc diện đặc biệt khó khăn;
- b) Có trên 50% diện tích tự nhiên là núi đá trở lên;
- c) Có từ 50% số hộ trở lên không có đất, thiếu đất canh tác từ 1/2 theo định mức quy định chung của địa phương/hộ trở lên;
- d) Thiếu nước sinh hoạt và sản xuất.

2. Thôn, bản có độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai phải có đủ các tiêu chí:

- a) Là thôn, bản thuộc diện đặc biệt khó khăn;
- b) Có từ 50% trở lên diện tích đất canh tác của thôn có độ dốc từ 50⁰ trở lên;
- c) Thường xuyên bị ảnh hưởng nặng nề rét đậm, rét hại hoặc lũ ống, lũ quét, hạn hán;
- d) Thiếu nước sinh hoạt và nước sản xuất.

3. Xã có nhiều núi đá phải có đủ các tiêu chí sau:

- a) Là xã thuộc diện đặc biệt khó khăn;
- b) Có từ 50% số thôn, bản có diện tích núi đá từ 50% trở lên;
- c) Thiếu nước sinh hoạt và sản xuất;
- d) Thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai như hạn hán, lũ ống, lũ quét, rét đậm, rét hại;

4. Xã có độ dốc lớn thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai phải có các tiêu chí sau

- a) Là xã thuộc diện đặc biệt khó khăn;
- b) Xã có từ 50% trở lên số thôn, bản đặc biệt khó khăn có độ dốc lớn;
- c) Thiếu nước sinh hoạt và sản xuất;
- d) Thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai như hạn hán, lũ ống, lũ quét, rét đậm, rét hại.

Điều 3. Nội dung chính sách

1. Đối với những hộ ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai như lũ ống, lũ quét, hạn hán, rét đậm, rét hại, có nguy cơ sạt lở cao, không thể khắc phục được, phải di chuyển đến nơi ở mới thuận lợi hơn, thì được hưởng các chính sách sau:

Được ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng thiết yếu bao gồm: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san gạt đất ở, khai hoang đất sản xuất, xây dựng đường giao thông, điện, thủy lợi nhỏ, công trình nước sinh hoạt (công trình nước sinh hoạt tập trung, khoan giếng, xây bể chứa nước), trường lớp học, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản và các công trình thiết yếu khác theo nhu cầu thực tế.

Các hộ được hỗ trợ di chuyển từ nơi ở cũ đến nơi ở mới.

Các hộ di chuyển theo quy hoạch, kế hoạch được hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Nghị quyết 30a/2009/NQ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh bền vững đối với 62 huyện nghèo và được hỗ trợ 20 triệu đồng/ha khai hoang tạo nương xếp đá, 20 triệu đồng/ha nương bậc thang, 10 triệu đồng/ha phục hóa để sản xuất nông nghiệp.

2. Đối với những hộ sinh sống ở xã, thôn có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, định cư tại chỗ, được ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình nước sinh hoạt (các công trình nước tập trung, bể chứa nước, hồ treo...)

3. Hỗ trợ đời sống: Đối với những hộ đồng dân tộc thiểu số sinh sống ở xã, thôn có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai thiếu đất

sản xuất theo mức quy định được trợ cấp gạo ăn thường xuyên, mức hỗ trợ từ 10 – 13kg/ người/ tháng.

Điều 4. Nguồn vốn thực hiện

Ngân sách Trung ương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Cơ chế thực hiện

Căn cứ vào các quy định tại Quyết định này các địa phương rà soát, xác định đối tượng, lập dự án đầu tư hỗ trợ cho từng xã, thôn bản trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; gửi các bộ, ngành chức năng thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Hàng năm Trung ương phân bổ vốn cho các địa phương để thực hiện các dự án theo kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nguồn ngân sách TW hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương trong kế hoạch hàng năm. Các địa phương huy động các nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, hỗ trợ từ cộng đồng, lồng ghép các chính sách để tổ chức thực hiện chính sách có hiệu quả;

Đối với các xã, thôn thuộc diện đối tượng theo Quyết định này vẫn được thực hiện các chính sách khác hiện hành trên địa bàn. Nếu có chính sách trùng với chính sách quy định tại Quyết định này thì thực hiện chính sách với định mức cao hơn.

2. Đối với các Bộ, ngành Trung ương

a) Ủy ban Dân tộc:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn địa phương khảo sát, bình chọn các xã thôn bản để đầu tư, hỗ trợ theo tiêu chí của Trung ương quy định, lập dự án đầu tư hỗ trợ cho xã, thôn bản có nhiều núi đá; độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai của địa phương mình;

- Chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm tra các xã, thôn bản có nhiều núi đá; độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai;

- Tổng hợp (các dự án, vốn) xã, thôn bản có nhiều núi đá độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai của các tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trong việc bố trí vốn thực hiện kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Chính sách cho các xã, thôn bản có nhiều núi đá; độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai nặng nề. Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ (đồng gửi các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội) kết quả thực hiện chính sách;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính thẩm định kế hoạch vốn để thực hiện chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Phối hợp với Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài chính hàng năm ưu tiên phân bổ nguồn vốn để thực hiện chính sách trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

c) Bộ Tài chính:

- Phối hợp với Ủy ban Dân tộc và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hàng năm ưu tiên phân bổ nguồn vốn để thực hiện chính sách trình Thủ tướng Chính phủ;

- Hướng dẫn cơ chế tài chính quản lý, thực hiện chính sách phát triển kinh tế xã hội đặc thù cho các xã, thôn có nhiều núi đá; độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai;

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì hướng dẫn các địa phương rà soát lại quy hoạch sản xuất sắp xếp dân cư cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương theo nội dung nông thôn mới;

- Hướng dẫn các địa phương thực hiện vốn hỗ trợ sản xuất tăng thu nhập cho đồng bào ở các xã, thôn bản và công tác khuyến nông, khuyến lâm;

đ) Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương rà soát lại quy hoạch, phân loại các loại vùng đất có nhiều núi đá, độ dốc, đất sản xuất ... làm căn cứ để xây dựng chính sách;

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, thanh tra việc thực phân loại các xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai

e) Các Bộ, ngành liên quan Trung ương theo căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương ưu tiên thực hiện các chương trình, dự án do Bộ, ngành mình quản lý đối với các xã, thôn có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai nhằm nâng cao hiệu quả của chính sách.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai:

a) Trên cơ sở tiêu chí xác định xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, văn bản hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành liên quan, xác định địa bàn, đối tượng và điều tra lập danh sách các hộ thụ hưởng chính sách trên địa bàn.

b) Lập và phê duyệt dự án quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ định canh định cư trên địa bàn xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai gửi Ủy ban Dân tộc phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định kế hoạch hàng năm.

c) Chỉ đạo các cơ quan có liên quan, các cấp chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ trên địa bàn xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, đẩy nhanh việc xóa đói, giảm nghèo bền vững, ổn định, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc.

d) Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện, đảm bảo các chính sách đến hộ đồng bào dân tộc; không được để xảy ra thất thoát, tiêu cực.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2012.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận :

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).

**TM.CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Quyết định chính sách đặc thù đầu tư, hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012 - 2020

Kính trình: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 đến 2020; Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 04/3/2012 của Chính phủ về Ban hành chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016 và Văn bản số 122/VPCP-TH ngày 07/02/2012 của Văn phòng Chính phủ về “Danh mục các đề án trong chương trình công tác năm 2012 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ”, Ủy ban Dân tộc đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức xây dựng chính sách đặc thù đầu tư, hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai.

Ủy ban Dân tộc đã thực hiện đầy đủ quy trình soạn thảo văn bản; đã thành lập ban soạn thảo, tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội và tình hình thực hiện các chính sách. Tổ chức các cuộc hội thảo, đề xuất chính sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ổn định và nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc thuộc các địa bàn có nhiều núi đá, độ dốc lớn, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai. Cơ quan soạn thảo đã dự thảo văn bản, xin ý kiến góp ý của địa phương, các Bộ ngành liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Tiếp thu ý kiến đóng góp và ý kiến thẩm định, Ủy ban Dân tộc đã hoàn thiện Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù đầu tư, hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012-2020.

Ủy ban Dân tộc kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Chính sách đặc thù đầu tư, hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai với những nội dung chính như sau:

I. Sự cần thiết phải xây dựng chính sách

1. Thực trạng về điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội đối với các xã thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai

Vùng miền núi nước ta chiếm 3/4 diện tích của cả nước, các vùng khác nhau nhìn chung có sự khác biệt về địa hình, độ cao và mức độ phát triển; trong

đó, một số vùng do điều kiện tự nhiên, khí hậu không thuận lợi nên điều kiện để phát triển sản xuất, đời sống của đồng bào các dân tộc còn hết sức khó khăn.

Đối với vùng miền núi phía Bắc là vùng có địa hình rất phức tạp và bị phân hóa mạnh, có nhiều dãy núi cao chạy theo hướng Tây Bắc- Đông Nam, hệ thống sông suối dày đặc xen với các thung lũng và cao nguyên. Tiểu vùng núi cao (độ cao trên 2000m) là vùng có địa hình dốc, bị chia cắt mạnh bởi những dãy núi đá tai mèo sắc nhọn; những khe núi sâu, hẹp, nhiều vách núi đá với độ dốc cao (Hà Giang, Cao Bằng). Tiểu vùng núi trung bình (có độ cao trung bình trên 1000m – 2000m mức độ chia cắt thấp hơn, sườn thoải hơn. Đối với tiểu vùng núi thấp (dưới 1000m) ít bị chia cắt phổ biến là địa hình bằng thoải thung lũng ở giữa những vùng núi.

Mật độ sông suối ở vùng này tuy cao nhưng có sự phân bố không đồng nhất. Chế độ thủy văn các sông trong vùng phụ thuộc chủ yếu vào chế độ mưa và khả năng điều tiết của lưu vực các sông, lượng nước của các sông, suối trong mùa mưa lũ thường chiếm từ 65-77% lượng nước cả năm, nhưng vào mùa khô lượng nước các sông thường cạn kiệt.

Địa hình cao, độ dốc lớn, lòng sông suối sâu và dốc, tốc độ dòng chảy lớn; gây sỏi lở khu vực ven sông hoặc hiện tượng lũ quét, lũ ống thường xuyên xảy ra. Đó là địa bàn vùng núi của một số địa phương như Hà Giang, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Bắc Cạn, Cao Bằng... ảnh hưởng nhiều đến sản xuất và đời sống của người dân trong vùng.

Đối với vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung nhiều nơi có diện tích hẹp ngang theo chiều Đông – Tây, độ dốc cao; phía Tây là núi xen kẽ với các sườn núi dốc có các thung lũng sâu và hẹp; phía đông là biển có địa hình đồi núi, đồng bằng và bờ biển sâu xâm nhập lẫn nhau. Đa số đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng núi cao phía tây, khó khăn hơn so với vùng ven biển.

Các xã thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn hầu hết tập trung ở vùng miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung.

Khí hậu giữa các vùng cũng có sự khác biệt, có sự phân chia các mùa tương đối rõ rệt. Miền Bắc về mùa mưa không khí nóng ẩm, có nơi nhiệt độ cao tuyệt đối 42,5 0C (Tiểu vùng Tây Bắc- Lai Châu) mưa kéo dài từ tháng 5 – 9 hàng năm; mùa khô kéo dài từ tháng 10 – 4 năm sau, thời tiết thường khô hanh, ít mưa, lạnh kèm theo các đợt gió mùa đông bắc, nhiệt độ thấp tuyệt đối trong vùng có thể xuống tới – 4,5 0C (Sìn Hồ - Lai Châu). Miền Trung Bộ khí hậu cũng khắc nghiệt ảnh hưởng bởi cả loại hình nhiệt đới gió mùa và cận nhiệt đới cùng khí hậu khô, nóng của Lào; mùa hè thì khô nóng, mùa mưa thường sinh ra lũ lụt lớn. Đồng bào dân tộc thiểu số thường sống ở các vùng núi cao, địa hình hẹp, độ dốc lớn nên mùa mưa thường bị ảnh hưởng bởi lũ lớn và mùa nắng bị ảnh hưởng bởi khô hạn.

Những điểm không thuận lợi về địa hình và thời tiết của vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn tác động không nhỏ đến xây dựng cơ sở hạ tầng, đời sống và phát

triển kinh tế, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp của đồng bào các dân tộc thiểu số sống ở nơi đây.

Hệ thống cơ sở hạ tầng của vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn còn thiếu và yếu kém, chưa được đầu tư đồng bộ so với vùng dân tộc và miền núi nói chung.

Hệ thống đường giao thông đến trung tâm xã chủ yếu là đường đất chỉ đi được mùa khô thậm chí có nơi chưa có đường giao thông do mới chia tách; đường từ trung tâm xã vào các thôn bản hầu hết là đường dân sinh, đường mòn do dân tự làm đi lại hết sức khó khăn; số thôn bản và số hộ chưa có điện còn chiếm tỷ lệ trên 50%. Thiếu hệ thống thủy lợi, công trình nước sinh hoạt ở một số địa phương còn rất ít, chưa đáp ứng nhu cầu thiết yếu về nước sinh hoạt và phục vụ cho sản xuất. Có địa bàn thiếu nước nghiêm trọng do không có nguồn nước, nước sinh hoạt và sản xuất chủ yếu trông chờ vào nước mưa. Ở một số vùng thiếu nước sinh hoạt ngay cả trong mùa mưa (điển hình như huyện Đông Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, tỉnh Hà Giang, Huyện Bảo Lạc, Huyện Bảo Lâm...tỉnh Cao Bằng....). Hiện nay, còn 75,6% số thôn bản ĐBKK chưa có nhà trẻ, lớp mẫu giáo; 41% số xã và 77,6% số thôn, bản chưa có đủ nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng...

Các công trình cơ sở hạ tầng hiện nay còn thiếu chủ yếu ở những điểm khó thực hiện hơn và xuất đầu tư cao hơn. Nếu đầu tư bình quân cho các xã như hiện nay thì rất khó cho các địa phương triển khai để thực hiện hoàn thành các mục tiêu về cơ sở hạ tầng theo tiêu chí nông thôn mới.

Về kinh tế - xã hội: Đối với các xã, thôn có nhiều núi đá, có độ dốc lớn thiếu đất sản xuất nghiêm trọng. Đất canh tác chủ yếu là đất nương rẫy xen với đá, diện tích đất để canh tác phụ thuộc vào sức khai phá của người dân và thay đổi hàng năm do tập quán luân canh.. Sản xuất nông nghiệp hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên, chủ yếu theo quy mô nhỏ lẻ (hộ gia đình), phân tán mang tính tự cung, tự cấp. Cây lương thực chính chủ yếu là cây ngô được trồng 1 vụ trồng trên nương, trong các thung lũng đá...Cây lúa chỉ chiếm diện tích rất ít (huyện Mèo Vạc, Hà Giang chỉ chiếm 6-7% tổng diện tích canh tác). Phương thức canh tác còn lạc hậu, sản lượng đạt thấp, tình trạng thiếu lương thực, đói giáp hạt đối với vùng này còn xảy ra.

Sản xuất lâm nghiệp: Với địa hình đất dốc, nhiều núi đá nên diện tích rừng không nhiều, các loại cây trồng cũng như rừng tự nhiên chủ yếu là loại thông 3 lá, cây sa mộc và một số loại cây khác có khả năng thích ứng tốt với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng.

Cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả chủ yếu trồng phân tán rải rác tại các hộ gia đình như chè, thảo quả, táo, mận, đào. Diện tích trồng ít, chủ yếu phân tán theo hộ gia đình nên sản phẩm không trở thành hàng hoá, chỉ phục vụ tại chỗ, tiêu thụ không đáng kể.

Chăn nuôi chủ yếu theo qui mô hộ gia đình nhỏ lẻ và đa dạng (trâu, bò, lợn, gia cầm), chăn nuôi đại gia súc chưa phát triển do điều kiện về đất đai không có đồng cỏ, bãi chăn thả.

Tình trạng du canh, du cư của một bộ phận đồng bào dân tộc còn diễn biến phức tạp; hiện nay trên phạm vi cả nước vẫn còn 28.630 hộ, tương ứng với 135.426 khẩu còn du canh, du cư. Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện đặc biệt khó khăn cần Nhà nước hỗ trợ về mọi mặt còn trên 200.000 hộ.

Thu nhập thấp và tỷ lệ nghèo rất cao: Thu nhập bình quân đầu người vùng này rất thấp; thấp hơn so với vùng dân tộc và miền núi nói chung và nếu so với khu vực thành thị còn thấp hơn rất nhiều. Thu nhập bình quân đầu người của vùng dân tộc miền núi là 4,2 triệu đồng/người/năm vào năm 2010 bằng 1/6 thu nhập bình quân của cả nước, đối với các xã đặc biệt khó khăn thu nhập bình quân đầu người mới đạt 3,3 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo khu vực này luôn ở mức cao nhất so các vùng khác, bình quân chung ở mức 60%, ở những vùng nhiều núi đá; có độ dốc lớn, tỷ lệ còn cao hơn nhiều, có nơi lên mức trên 70%. Nguy cơ tái nghèo và rủi ro của người dân đối với các xã, thôn đặc biệt khó khăn có nhiều núi đá, độ dốc lớn là rất lớn so với các xã đặc biệt khó khăn ở những vùng khác.

Những năm qua, nhất là giai đoạn 2006 - 2010, trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi thực hiện nhiều chương trình, chính sách phát triển kinh tế xã hội. Các chính sách bao phủ khá đầy đủ trên các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng; hỗ trợ đời sống, phát triển sản xuất, phát triển cho các dân tộc thiểu số rất ít người; chính sách về giáo dục, y tế, bảo tồn văn hóa, tăng cường thông tin truyền thông; chính sách đối với người có uy tín ... Nhìn chung chính sách đã tập trung ưu tiên cho vùng khó khăn, các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Hệ thống chính sách đã có những tác động đáng kể đến sự phát triển của vùng dân tộc và miền núi nhất là vùng ĐBKK. Nhờ vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các vùng dân tộc và miền núi duy trì ở mức khá cao; vùng miền núi phía Bắc đạt hơn 10%, bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung 12%, Tây Nguyên 12,5% và Nam bộ là 12%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng các ngành như dịch vụ, thương mại, công nghiệp; tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp giảm, bước đầu đã phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, tiếp cận thị trường. Sự nghiệp y tế, văn hóa, giáo dục đạt được những kết quả đáng ghi nhận, dân trí ngày một nâng lên, chăm sóc sức khỏe ngày một tốt hơn. Các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước đến với vùng dân tộc và miền núi ngày một sâu, rộng hơn.

Tuy vậy, việc thực hiện chính sách vẫn còn hạn chế như: còn mang tính nhiệm kỳ, thời gian thực hiện ngắn; nguồn lực thực hiện hầu hết các chính sách chưa đảm bảo, chưa đáp ứng được nhu cầu, chưa bao phủ được hết địa bàn và đối tượng thụ hưởng, định mức vốn chưa đủ mạnh, đầu tư còn dàn trải chưa tập trung (Quyết định 1592 vốn cấp mới đáp ứng được 13% nhu cầu, Quyết định 33 vốn cấp mới đạt 21% so với kế hoạch, Quyết định 32 vốn cấp mới đạt 53% kế hoạch). Vì vậy, hầu hết các chính sách khi hết hiệu lực thực hiện chưa đạt được mục tiêu đề ra.

2. Sự cần thiết phải ban hành chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai

Nhằm xóa đói, giảm nghèo bền vững, thời gian qua vùng dân tộc và miền núi đã thực hiện các chương trình, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, đến nay vùng dân tộc và miền núi vẫn là vùng khó khăn nhất, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, có nơi cao nhất trong cả nước, tỷ lệ hộ nghèo năm 2009 của cả nước là 12.9% trong khi đó tại các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn là 31,2 % (gấp 2,5 lần so với trung bình của cả nước). Tỷ lệ đói, nghèo ở các địa bàn có nhiều núi đá, độ dốc lớn còn cao hơn. Tiêu biểu như tỉnh Hà Giang, huyện Đồng Văn trên 70%, huyện Mèo Vạc là 63,88; tỉnh Yên Bái, huyện Mù Căng Chải là 80,4%, huyện Trạm Tấu là 77,3% (năm 2011); thu nhập bình quân đầu người thấp so với bình quân chung

Hệ thống cơ sở hạ tầng tuy đã được quan tâm xây dựng nhưng cho đến nay vẫn còn thiếu và yếu kém; các công trình cơ sở hạ tầng nhất là các công trình nước sinh hoạt còn thiếu. Thời gian qua tuy đã có nhiều chương trình chính sách đầu tư cho vùng dân tộc và miền núi, nhưng do nguồn vốn từ ngân sách Trung ương cấp hàng năm thấp, nên nhiều công trình cơ sở hạ tầng, nhiều chính sách chỉ mới xây dựng đến huyện, đến trung tâm xã, chưa đến được các thôn, bản, các nhóm hộ ở vùng sâu, vùng xa.

Điều kiện địa hình tự nhiên, khí hậu rất khắc nghiệt, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai đã gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng như mất đất sản xuất, phá hủy các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng, thiếu nước sinh hoạt, thiệt hại về tài sản và cả tính mạng, đời sống của đồng bào còn hết sức khó khăn.

Nhiều chương trình chính sách thực hiện trên địa bàn đã hết hiệu lực thực hiện vào năm 2010, nhưng nhu cầu thực hiện chính sách như hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng... còn rất lớn. Một số chính sách đang còn hiệu lực thực hiện trên địa bàn nhưng định mức và cơ chế không còn phù hợp cần được bổ sung sửa đổi cho phù hợp với giai đoạn 2012 – 2016.

Hệ thống chính sách thực hiện còn mang tính bình quân, chưa đảm bảo được tính công bằng đối với mọi đối tượng trên cùng một địa bàn huyện nhưng (xã, thôn) thuộc vùng khó khăn hơn, địa bàn rộng, phức tạp hơn cần phải đầu tư, hỗ trợ cao hơn. Chưa có cơ chế chính sách đầu tư tài chính đặc thù cho vùng dân tộc và miền núi có đặc điểm khó khăn đặc thù như các địa bàn vùng núi cao, độ dốc lớn thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai. Việc lồng ghép chính sách trên cùng một địa bàn cũng còn hạn chế, hiệu quả chính sách chưa cao.

Theo báo cáo của các địa phương về rà soát chính sách, đánh giá hiệu quả việc thực hiện chính sách và đề xuất nhu cầu thực hiện chính sách đặc thù; tất cả các tỉnh yêu cầu rà soát (100%) đều đề nghị cần thiết phải xây dựng chính sách đặc thù cho vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn, với cơ chế chính sách đặc thù riêng.

Để tiếp tục thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đối với vùng dân tộc và miền núi phù hợp với điều kiện của các địa bàn có những khó khăn đặc thù như thực trạng nêu trên; trên cơ sở khảo sát thực tế, báo cáo rà soát của các địa phương, ý kiến tại các cuộc hội thảo; Ủy ban Dân tộc thấy cần tiếp tục thực hiện các chính sách phát triển kinh tế- xã hội với cơ chế, chính sách đặc thù, tập trung đầu tư với định mức cao hơn cho những vùng đặc biệt khó khăn, có tính đặc thù nhằm giúp cho người dân vùng này có điều kiện sống ổn định, bền vững, từng bước hội nhập vào sự phát triển chung của đất nước; hạn chế sự gia tăng khoảng cách giữa các vùng, giữa các dân tộc và hạn chế tình trạng di dân tự do.

Ủy ban Dân tộc đề xuất tiêu chí lựa chọn những xã, thôn bản có đặc điểm khó khăn đặc thù hơn trong những xã/ thôn đặc biệt khó khăn để xây dựng và thực hiện chính sách đặc thù. Chính sách cho những vùng này với cơ chế, chính sách, định mức ưu đãi cao hơn, giúp cho đồng bào các dân tộc thiểu số xóa đói giảm nghèo, ổn định và cải thiện cuộc sống. Đảm bảo sự công bằng bình đẳng trong việc thực hiện chính sách đối với vùng dân tộc và miền núi. Do những khó khăn, phức tạp của địa bàn, những thiệt hại về tài sản và con người qua những đợt thiên tai, tình trạng di dân tự do đang diễn ra phức tạp và những diễn biến khó lường về biến đổi khí hậu hiện nay; Cơ quan soạn thảo, các Bộ ngành Trung ương, các địa phương có liên quan đã xác định việc xây dựng và thực hiện chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai là hết sức cần thiết.

II. Quá trình soạn thảo:

Ủy ban Dân tộc đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng chính sách, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan khảo sát, nghiên cứu để xây dựng chính sách tại một số địa phương (Hà Giang, Lai châu, Điện Biên, Cao bằng, Quảng Nam...), đã tiếp thu kiến nghị của các địa phương, của cử tri tại các kỳ họp Quốc hội; đã ban hành văn bản đề nghị các địa phương (gửi 32 tỉnh) rà soát chính sách, đánh giá hiệu quả việc thực hiện chính sách và đề xuất nhu cầu thực hiện chính sách đặc thù. Tất cả (100%) các tỉnh yêu cầu rà soát đều đề nghị cần thiết phải xây dựng chính sách đặc thù cho vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn với cơ chế chính sách đặc thù riêng. Cơ quan soạn thảo đã tổ chức 2 cuộc hội thảo vùng (phía Bắc và miền Trung và Tây Nguyên) với đại diện của 29 tỉnh (mỗi tỉnh gồm Đại diện Lãnh đạo các sở ngành như Ban Dân tộc, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội mỗi tỉnh chọn đại diện lãnh đạo của 01 huyện thuộc vùng có nhiều núi, độ dốc lớn. Các đại biểu tham dự hội thảo đều nhất trí về chủ trương xây dựng chính sách đặc thù là rất cần thiết

Ủy ban Dân tộc đã tổ chức 02 cuộc hội thảo với các Bộ ngành liên quan. Tại các cuộc hội thảo với Bộ, ngành, các đại biểu đều tán thành xây dựng chính sách đặc thù thực hiện tại vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn...

Sau khi tổng hợp ý kiến tại các cuộc hội thảo và hoàn thiện các văn bản dự thảo, cơ quan soạn thảo đã gửi xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan bằng văn bản, đã

dăng tải dự thảo Tờ trình và Quyết định chính sách trên trang tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, hầu hết các ý kiến các Bộ, ngành đều đồng ý với văn bản dự thảo, một số ý kiến góp về kỹ thuật soạn thảo văn bản và các nội dung chi tiết hợp lý, Ban soạn thảo đã tiếp thu, hoàn thiện văn bản và gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy trình. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc đã hoàn thiện các văn bản dự thảo và báo cáo giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, kính trình Thủ tướng Chính phủ.

III. Nội dung chính sách

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách được thiết kế 8 điều: Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng; Điều 2. Tiêu chí xác định các xã thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai; Điều 3. Nội dung chính sách; Điều 4. Cơ chế thực hiện. Điều 5. Nguồn vốn để thực hiện; Điều 6. Tổ chức thực hiện; Điều 7. Hiệu lực thi hành và Điều 8. Trách nhiệm thi hành (Có dự thảo Quyết định gửi kèm).

a. Về đối tượng và phạm vi áp dụng

Chính sách theo Quyết định này được áp dụng cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai trên phạm vi cả nước.

b. Về thời gian thực hiện chính sách: Giai đoạn 2012 - 2020

c. Tiêu chí xác định xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai.

d. Về nội dung chính sách

* Đối với những hộ ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai như lũ ống, lũ quét, hạn hán, rét đậm, rét hại, có nguy cơ sạt lở cao không thể khắc phục được phải di chuyển đến nơi ở mới thuận lợi hơn thì được hưởng các chính sách sau:

- Được ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng thiết yếu bao gồm: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san gạt đất ở, khai hoang đất sản xuất, xây dựng đường giao thông, điện, thủy lợi nhỏ, công trình nước sinh hoạt (công trình nước sinh hoạt tập trung, khoan giếng, xây bể chứa nước), trường lớp học, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản và các công trình thiết yếu khác theo nhu cầu thực tế.

- Được hỗ trợ di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi ở mới

- Các hộ di chuyển theo quy hoạch, kế hoạch được hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Nghị quyết 30a/2009/NQ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh bền vững đối với 62 huyện nghèo và được hỗ trợ 20 triệu đồng/ha khai hoang tạo nương xếp đá, 20 triệu đồng/ha nương bậc thang, 10 triệu đồng/ha phục hóa để sản xuất nông nghiệp

* Đối với những hộ sinh sống ở xã, thôn có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai định cư tại chỗ được ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu

tư xây dựng các công trình nước sinh hoạt (các công trình nước tập trung, bể chứa nước, hồ treo...)

* Hỗ trợ đời sống: Đối với những hộ đồng dân tộc thiểu số sinh sống ở xã, thôn có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai thiếu đất sản xuất theo mức quy định được trợ cấp gạo ăn thường xuyên, mức hỗ trợ từ 10 – 13kg/ người/ tháng.

đ. Về cơ chế thực hiện

- Các địa phương rà soát, xác định đối tượng, lập dự án đầu tư hỗ trợ cho từng xã, thôn bản trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Hàng năm Trung ương phân bổ vốn cho các địa phương để thực hiện các dự án theo kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nguồn ngân sách TW hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương trong kế hoạch hàng năm (ghi thành mục riêng).

- Đối với các xã, thôn thuộc diện đối tượng theo Quyết định này vẫn được thực hiện các chính sách khác hiện hành trên địa bàn. Nếu có chính sách trùng với chính sách quy định tại Quyết định này thì thực hiện chính sách với định mức cao hơn.

IV. Dự kiến kinh phí để thực hiện

- Vốn: Nhu cầu vốn được xác định trên cơ sở thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch vốn của các địa phương.

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

V. Thời gian thực hiện: Từ năm 2012 đến năm 2020

VI. Tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành

1. Những ý kiến thống nhất

Ủy ban Dân tộc gửi xin ý kiến một số bộ, ngành như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, các ý kiến đều nhất trí việc xây dựng và ban hành triển khai thực hiện chính sách đặc thù.

2. Những ý kiến khác nhau:

Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban Dân tộc chưa trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách này với lý do ngân sách nhà nước năm 2013 rất khó khăn và dự toán 2013 chưa bố trí kinh phí để thực hiện chính sách này. Mặt khác, Bộ Tài chính cho rằng đối tượng của chính sách này là một phần của đối tượng quy định tại Quyết định 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Ủy ban Dân tộc cân nhắc việc trùng lặp chính sách này với các chính sách khác đang thực hiện trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi, đối tượng quy định rõ là đồng bào dân tộc thiểu số và chỉ áp dụng cho hộ nghèo và cận nghèo, tiêu chí để xác định xã thôn bản có nhiều núi đá độ, dốc lớn cần quy định rõ hơn (thiếu nước đối với xã, thôn bản có nhiều núi đá, tiêu chí hạn

hán lữ ống lữ quét..). Về nội dung hỗ trợ chỉ hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho cộng đồng hoặc các điểm tái định cư mới, nội dung hỗ trợ gạo thường xuyên chỉ quy định trong thời gian ngắn (3-6 tháng); đề nghị bổ sung hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm; cần tính toán sơ bộ kinh phí dự kiến để thực hiện giai đoạn 2012- 2020, quy định rõ nguồn vốn từ ngân sách địa phương bố trí đối ứng từ 10 – 20%.

Hội đồng Dân tộc: Tên gọi chính sách đề nghị sửa lại: « Chính sách đặc thù đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào ở xã thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012- 2020 »

Về đối tượng phạm vi cần phải đánh giá phân loại cụ thể để làm rõ tính đặc thù của chính sách và cho rằng đây là chính sách đầu tư cho cộng đồng đối tượng đề cập đến hộ và nhóm hộ là chưa đủ ;

Về nội dung chính sách: Cần bổ sung kết quả khảo sát tại các địa phương vùng có vùng núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, đồng thời làm rõ tính đặc thù trong chính sách và dự toán kinh phí để thực hiện;

Bộ Tài nguyên và Môi trường cần bổ sung làm rõ việc hỗ trợ, bố trí, sắp xếp tái định cư đối với hộ ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai như hạn hán, lũ ống lũ quét, rét đậm, rét hại, nguy cơ sạt lở cao, không thể khắc phục được phải di chuyển đến nơi ở mới.

3. Ý kiến tiếp thu và giải trình của Ủy ban Dân tộc

Ủy ban Dân tộc đã nghiêm túc tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, hoàn thiện dự thảo Tờ trình và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Về các ý kiến còn khác nhau, Ủy ban Dân tộc xin giải trình như sau:

- Về tên gọi (ý kiến của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội): Ủy ban Dân tộc xây dựng chính sách Thực hiện Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 đến 2020 và Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 04/3/2012 của Chính phủ về Ban hành chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016.

- Về tính đặc thù của văn bản và cần nhắc sự trùng lặp của chính sách vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai: Ủy ban Dân tộc đã nghiên cứu, khảo sát lựa chọn những vùng có điều kiện địa hình tự nhiên, khí hậu rất khắc nghiệt thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, những vùng khó khăn hơn trong những vùng khó khăn để xây dựng và thực hiện chính sách đặc thù. Khó khăn do địa hình, điều kiện tự nhiên, do khí hậu nên những vùng núi đá, độ dốc lớn thiếu đất sản xuất, thiếu nước sinh hoạt và sản xuất nghiêm trọng (không có nguồn nước). Thời gian qua những vùng này tuy đã có nhiều chương trình chính sách đầu tư cho vùng dân tộc và miền núi, nhưng do nguồn vốn từ ngân sách Trung ương cấp hàng năm thấp, nên nhiều công trình cơ sở hạ tầng, nhiều chính sách chỉ mới xây dựng đến huyện, đến trung tâm xã, chưa đến được các thôn, bản, các nhóm hộ ở vùng sâu, vùng xa; các chính sách thực hiện ở vùng khó khăn còn mang tính bình quân, các vùng địa bàn rộng hơn, đi lại khó hơn chưa được ưu tiên đầu tư cao hơn

nên đời sống của đồng bào còn hết sức khó khăn, nếu tiếp tục thực hiện chính sách như hiện nay khoảng các giữa các vùng dân tộc có nguy cơ ngày một gia tăng.

Ủy ban Dân tộc cho rằng rất cần thiết phải thực hiện chính sách này nhằm phát triển kinh tế xã hội, ổn định đời sống cho đồng bào các dân tộc (cả dân tộc Kinh và dân tộc thiểu số), đảm bảo an sinh xã hội và an ninh chính trị cho vùng dân tộc và miền núi. Ủy ban Dân tộc đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo cân đối nguồn kinh phí để thực hiện chính sách đặc thù này vì đây là những vùng còn khó khăn nhất trong cả nước.

Về các ý kiến cần tính toán sơ bộ kinh phí để thực hiện chính sách (Hội đồng dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư), dự kiến có bao nhiêu hộ, bao nhiêu thôn bản, xã Hội đồng Dân tộc), làm rõ phương dự kiến huy động vốn (Bộ Tư pháp): Trong dự thảo tờ trình và Quyết định đã đưa ra bộ tiêu chí để lựa chọn các xã, thôn, bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn gắn với ảnh hưởng của thiên tai để thực hiện chính sách. Sau khi Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành (đây có thể coi là chính sách khung) các địa phương tổ chức rà soát, khảo sát xây dựng các dự án cụ thể, tổng hợp và phê duyệt đề án để thực hiện. Ủy ban Dân tộc phối hợp với các bộ ngành liên quan sẽ tổng hợp các đề án của địa phương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch để thực hiện, vì vậy tại Quyết định này chưa dự toán kinh phí và dự kiến các xã, thôn bản vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn.

Vậy tính đặc thù của chính sách này là: Chỉ được thực hiện chính sách cho những vùng khó khăn nhất (theo tiêu chí quy định). Đầu tư hỗ trợ theo thực tế dự án của địa phương được tổng hợp phê duyệt. Nếu trên cùng một địa bàn thực hiện nhiều chính sách có cùng nội dung thì chỉ thực hiện một chính sách với định mức cao hơn vì vậy sẽ không có sự trùng lặp chính sách.

Về ý kiến không hỗ trợ gạo ăn thường xuyên cho đồng bào dân tộc, chỉ quy định hỗ trợ gạo ăn trong thời gian bị thiên tai từ 3-6 tháng (Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Ủy ban Dân tộc cho rằng việc hỗ trợ gạo ăn thường xuyên cho đồng bào ở vùng nhiều núi đá, độ dốc lớn là rất cần thiết để đồng bào yên tâm định cư, đảm bảo ổn định đời sống vì những lý do sau: Thứ nhất những vùng này thiếu đất sản do điều kiện tự nhiên là vùng núi đá, độ dốc lớn không có khả năng canh tác, lương thực chính chủ yếu là ngô (trồng 1 vụ); thứ hai những vùng này thường xuyên bị ảnh hưởng của khí hậu khắc nghiệt rất khó khăn cho sản xuất; thứ ba chỉ hỗ trợ cho đồng bào từ 10-13kg/người/tháng để đảm bảo ổn định đời sống, để đồng bào không bị đói đứt bữa, đói giáp hạt, số lương thực còn thiếu cho 1 người/tháng đồng bào tự sản xuất

VII. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

.....

Trên đây là nội dung Tờ trình, dự thảo Quyết định thực hiện chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường

xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012 – 2020. Ủy ban Dân tộc kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Thủ tướng: Nguyễn Xuân Phúc, Vũ Văn Ninh, Nguyễn Thiện Nhân (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc;
- Website Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, CSDT (5).

Giàng Seo Phử

www.LuatVietnam.vn

ĐỀ ÁN
CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐẦU TƯ HỖ TRỢ ĐỊNH CANH, ĐỊNH
CƠ CHO ĐỒNG BÀO Ở XÃ, THÔN BẢN CÓ NHIỀU NÚI ĐÁ, ĐỘ
ĐỐC LỚN THƯỜNG XUYÊN BỊ ẢNH HƯỞNG THIÊN TAI

Phần I. MỞ ĐẦU

Việt Nam là Quốc gia thống nhất gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống. Các dân tộc thiểu số nước ta sống đan xen trên địa bàn rộng lớn trải dài từ Bắc vào Nam chiếm 3/4 diện tích của cả nước, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường sinh thái. Đồng bào các dân tộc thiểu số có truyền thống đoàn kết lâu đời trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chế ngự thiên nhiên, khắc phục thiên tai và xây dựng đất nước.

Ngay từ khi mới ra đời và trong suốt quá trình cách mạng, Đảng ta luôn xác định công tác dân tộc và đoàn kết dân tộc có vị trí chiến lược quan trọng trong cách mạng nước ta. Trên quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, Đảng và nhà nước ta đề ra nguyên tắc cơ bản của chính sách là “Bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển”, chính sách đó luôn được thực hiện nhất quán trong suốt quá trình phát triển của đất nước.

Với định hướng và mục tiêu phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi nhằm xóa đói giảm nghèo bền vững, trong nhiều năm qua Đảng và Nhà nước đã ban hành và thực hiện nhiều chính sách, chương trình, dự án trên hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo điều kiện cho khu vực này phát triển đồng bộ. Bên cạnh những chính sách chung cho vùng dân tộc và miền núi, hệ thống chính sách đã tập trung ưu tiên cho những vùng khó khăn nhất nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng. Diện mạo của vùng dân tộc, miền núi đã có nhiều chuyển biến tích cực, hạ tầng kinh tế kỹ thuật bước đầu phát triển, đời sống của người dân được cải thiện, tỷ lệ người dân được tiếp cận và hưởng các dịch vụ xã hội tăng dần theo thời gian

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, trong thời gian qua vùng dân tộc và miền núi vẫn là những vùng còn nhiều khó khăn nhất. Do đặc điểm về địa lý, tự nhiên với địa hình hiểm trở chia cắt với điểm xuất phát thấp, khu vực có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai vẫn là những vùng khó khăn nhất của cả nước thể hiện trên nhiều phương diện, hạ tầng cơ sở yếu kém, địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo, khoảng cách giàu nghèo so với các vùng khác ngày càng dãn rộng. Bên cạnh đó hệ thống chính sách dân tộc còn nhiều bất cập do nguồn lực hạn chế, định mức đầu tư hỗ

trợ thấp, dàn trải, manh mún không đủ sức giải quyết những khó khăn, bức xúc nhất trong đời sống của đồng bào nhiều chính sách thực hiện trong một thời gian dài nhưng vẫn không đạt được những mục tiêu đề ra.

Nhằm phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số, giai đoạn 2012-2016; ngoài các chính sách chung, cần có những chính sách đặc thù cho địa bàn đặc biệt khó khăn, có nhiều núi đá, độ dốc lớn nhằm tập trung đầu tư, hỗ trợ giải quyết những vấn đề khó khăn nhất, bức xúc nhất, cần thiết nhất như thiếu nước sản xuất, sinh hoạt, thiếu đất sản xuất, khí hậu khắc nghiệt, thường xuyên bị thiên tai, ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu...Tạo điều kiện cho những vùng này ổn định dân cư phát triển, nhanh chóng hoà nhập với các vùng khác, hạn chế sự gia tăng khoảng cách giữa các vùng trong cả nước.

PHẦN THỨ HAI: NỘI DUNG

I. Những căn cứ để xây dựng chính sách

1. Căn cứ pháp lý

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành TW khoá IX về công tác dân tộc;

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành TW khoá X về Nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

- Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 04/3/2012 của Chính phủ về Ban hành chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2011-2016

- Nghị định số 05/2011/NĐ- CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc;

- Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững vùng thời kỳ 2011 đến 2020;

2. Căn cứ thực tiễn

- Tình hình thực tế về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của các xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai;

- Thực trạng hệ thống chính sách thực hiện ở vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 – 2010.

II. Sự cần thiết phải xây dựng chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai.

2.1. Thực trạng các xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai.

a. Về điều kiện tự nhiên: Vùng miền núi nước ta chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích của cả nước, các vùng khác nhau nhìn chung có sự khác biệt về địa hình, độ cao và mức độ phát triển.

- Về địa hình:

* Đối với vùng miền núi phía Bắc: Đây là vùng có địa hình rất phức tạp và bị phân hóa mạnh, có nhiều dãy núi cao chạy theo hướng Tây Bắc- Đông Nam, hệ thống sông suối dày đặc xen với các thung lũng và cao nguyên. Tiểu vùng núi cao (độ cao trên 2000m) là vùng có địa hình dốc, bị chia cắt mạnh bởi những dãy núi đá tai mèo sắc nhọn; những khe núi sâu, hẹp, nhiều vách núi đá với độ dốc cao rất khó khăn cho sản xuất, đời sống và xây dựng cơ sở hạ tầng (Hà Giang, Cao Bằng). Tiểu vùng núi trung bình (có độ cao trung bình trên 1000m – 2000m mức độ chia cắt thấp hơn, sườn thoải hơn. Đối với tiểu vùng núi thấp (dưới 1000m) ít bị chia cắt phổ biến là địa hình bằng thoải thung lũng ở giữa những vùng núi.

Do địa hình tương đối cao và dốc nên hệ thống sông suối của vùng đều dốc, tốc độ dòng chảy lớn, gây xói lở khu vực ven sông hoặc hiện tượng lũ quét ở một số địa phương như Hà Giang, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái... ảnh hưởng nhiều đến sản xuất và đời sống của người dân trong vùng.

Những vùng núi cao hiểm trở, đất đai nhỏ hẹp, phân tán, đất bị xói mòn rửa trôi cùng với điều kiện khí hậu khô hạn, thiếu nước trầm trọng, chỉ phù hợp phát triển cây rừng và các loại cây dược liệu với điều kiện canh tác hết sức khó khăn nên đời sống của đồng bào DTTS ở đây còn rất nghèo.

* Đối với vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung nhiều nơi có diện tích hẹp ngang theo chiều Đông – Tây, độ dốc cao; phía Tây là núi xen kẽ với các sườn núi dốc có các thung lũng sâu và hẹp; phía Đông là biển có địa hình đồi núi, đồng bằng và bờ biển sâu xâm nhập lẫn nhau. Đa số đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) sống ở vùng núi cao phía tây có khó khăn hơn so với vùng ven biển.

* Đối với vùng Tây Nguyên là vùng đất cao nguyên bao gồm đất bazan và cao nguyên đá hoa cương (cao trên 2000m); tiếp đó là các dãy núi thấp <2000m và các cao nguyên với độ cao 300- 800m thoải về phía Tây, Tây Nam và Nam

Đối với vùng Tây Nam Bộ: Vị trí như một bán đảo với 3 mặt giáp biển (đường biển dài 700km) điều kiện địa hình của vùng này thuận lợi hơn cho sản xuất và đời sống

- Khí hậu, thời tiết: Khí hậu giữa các vùng cũng có sự khác biệt, có sự phân chia các mùa tương đối rõ rệt. Miền Bắc, Bắc Trung bộ chia làm hai mùa lạnh và nóng; Nam Trung bộ, miền Nam là mùa khô và mùa mưa

* Đối với vùng miền núi phía Bắc khí hậu được chia làm 2 mùa. Mùa mưa không khí nóng ẩm, mưa kéo dài từ tháng 5 – 9 hàng năm mùa khô kéo dài từ tháng 10 – 4 năm sau, thời tiết thường khô hanh, ít mưa, lạnh kèm theo các đợt gió mùa đông bắc. Đối với tiểu vùng Tây Bắc thời tiết khô nóng có nơi nhiệt độ cao tuyệt đối 42,5 0C (Lai Châu) và nhiệt độ thấp tuyệt đối trong vùng có thể xuống tới - 4,5 0C (Sìn Hồ - Lai Châu).

Mật độ sông suối ở vùng này tuy cao nhưng có sự phân bố không đồng nhất. Mật độ sông suối ở các khu vực có trung tâm mưa lớn có thể lên tới 1,5-2 km/km². Ngược lại ở các vùng ít mưa, có sự bốc hơi lớn trên nền đá vôi lại có mật độ sông suối thấp dưới 0,5km/km² như Mộc Châu (Sơn La), huyện Đông Văn, Mèo Vạc (tỉnh Hà Giang)...Chế độ thủy văn các sông trong vùng phụ thuộc chủ yếu vào chế độ mưa và khả năng điều tiết của lưu vực các sông, lượng nước của các sông, suối trong mùa mưa lũ thường chiếm từ 65-77% lượng nước cả năm, nhưng vào mùa khô lượng nước các sông thường cạn kiệt.

* Đối với vùng Trung Bộ khí hậu cũng tương đối khắc nghiệt ảnh hưởng bởi cả loại hình nhiệt đới gió mùa và cận nhiệt đới cùng khí hậu khô, nóng của Lào; mùa hè thì khô nóng, mùa mưa thường sinh ra lũ lụt lớn. Đồng bào dân tộc thiểu số thường sống ở các vùng núi cao, địa hình hẹp, độ dốc lớn nên mùa mưa thường bị ảnh hưởng bởi lũ lớn và mùa nắng bị ảnh hưởng bởi khô hạn đời sống vô cùng khó khăn.

Tỷ lệ đất dốc của một số vùng rất cao (tiểu vùng Tây Bắc là 94,41%, Đông Bắc 84,15%).

Những điểm không thuận lợi về địa hình và thời tiết của vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn tác động không nhỏ đến xây dựng cơ sở hạ tầng, đời sống và phát triển kinh tế, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp của đồng bào các dân tộc thiểu số sống ở nơi đây.

Qua tổng hợp tóm tắt về địa hình của vùng miền núi nêu trên cho thấy vùng núi cao, độ dốc lớn tập trung chủ yếu vùng núi phía Bắc, vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung. Nhìn chung đối với vùng núi cao, độ dốc lớn địa hình bị

chia cắt mạnh, khí hậu khắc nghiệt rất khó khăn cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất nông nghiệp và đời sống dân cư trong vùng.

b. Về cơ sở hạ tầng:

Mặc dù nhiều năm qua vùng dân tộc và miền núi đã được quan tâm đầu tư, hệ thống cơ sở hạ tầng đã được cải thiện đáng kể; mạng lưới giao thông ngày càng phát triển, tỷ lệ các tuyến đường đến trung tâm xã, liên xã được cứng hóa hoặc nhựa hóa đã được tăng lên, hệ thống trường tiểu học, trạm y tế được kiên cố hóa và đầu tư trang thiết bị ngày một tốt hơn. Tuy nhiên, đến nay kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống của vùng đặc biệt khó khăn; nhất là địa bàn có nhiều núi đá, độ dốc lớn chưa được đầu tư đồng bộ, vẫn còn thiếu và còn yếu kém hơn nhiều so với các vùng khác trong cả nước.

- Hệ thống đường giao thông đến trung tâm xã chủ yếu là đường đất chỉ đi được mùa khô thậm chí có nơi chưa có đường giao thông do mới chia tách; đường từ trung tâm xã vào các thôn bản hầu hết là đường dân sinh, đường mòn do dân tự làm đi lại hết sức khó khăn. Nhiều xã, thôn bản hiện đang sử dụng công trình nhà tạm để làm lớp học; phòng học của nhiều điểm trường mầm non, điểm trường tiểu học, nhà công vụ giáo viên, nhà ở cho học sinh bán trú ở các trường trung tâm xã chưa được đầu tư. Theo điều tra thực trạng các xã đặc biệt khó khăn hiện nay còn 535/1.848 xã (chiếm 29% tổng số xã) chưa có đường hoặc chưa có đường nhựa hoặc bê tông đến trung tâm xã, hầu hết các đường từ trung tâm xã đến thôn bản chủ yếu là đường dân sinh (mới đạt 54,3%);

- Thủy lợi: Trên địa bàn các xã, thôn bản ĐBKK đã đầu tư xây dựng được 12.141 công trình thủy lợi phục vụ tưới, tiêu cho 67,5% diện tích sản xuất. Nhu cầu đầu tư giai đoạn tới là 3.150 công trình thủy lợi nhỏ cần được đầu tư để bảo đảm tưới tiêu cho 32,5% diện tích cây trồng hàng năm. Các công trình thủy lợi cần được đầu tư chủ yếu là những vùng khó thực hiện, vùng sâu, vùng xa, vùng có độ dốc lớn, vùng thiếu nước sản xuất và sinh hoạt.

- Điện lưới: Hệ thống điện lưới quốc gia tuy đã được đầu tư đến trung tâm xã ĐBKK, nhưng số thôn, bản và số hộ chưa có điện còn chiếm tỷ lệ trên 50%. Hiện nay, có 204/1848 (chiếm 11,03 % tổng số xã) chưa có điện lưới quốc gia đến trung tâm xã, 38,6% số thôn bản chưa được sử dụng điện lưới quốc gia

- Nước sinh hoạt: Đến nay trên địa bàn 1848 xã ĐBKK thuộc Chương trình 135 đã đầu tư xây dựng được 8.168 công trình nước sinh hoạt tập trung, 182.952 công trình nước sinh hoạt phân tán. Hiện còn 32,2% số hộ chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Số hộ thiếu nước sinh hoạt tập trung tại vùng núi đá, độ dốc cao. Ở một số địa phương còn rất khó khăn về nước sinh hoạt và phục vụ cho sản xuất. Các công trình nước ở xa, do địa bàn rộng, đi lại khó khăn, dân cư ở phân tán; có

địa bàn thiếu nước nghiêm trọng do không có nguồn nước, nước sinh hoạt và sản xuất chủ yếu trông chờ vào nước mưa. Ở một số vùng thiếu nước sinh hoạt ngay cả trong mùa mưa (điển hình như huyện Đông Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, tỉnh Hà Giang, Huyện Bảo Lạc, Huyện Bảo Lâm...tỉnh Cao Bằng...).

- Bưu điện văn hóa xã: Có 85,3% số xã có bưu điện văn hóa xã; số xã có đủ trường tiểu học kiên cố 69%. Số hộ sử dụng dịch vụ pháp lý 24,27%, tỷ lệ học sinh tiểu học trong độ tuổi đi học 77,46%; 75,6% số thôn bản chưa có nhà trẻ, lớp mẫu giáo; 41% số xã và 77,6% số thôn, bản chưa có đủ nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng...

Các công trình cơ sở hạ tầng hiện nay còn thiếu chủ yếu ở những điểm khó thực hiện hơn và xuất đầu tư cao hơn, nếu đầu tư bình quân cho các xã như hiện nay thì rất khó cho các địa phương triển khai để thực hiện hoàn thành các mục tiêu về cơ sở hạ tầng theo tiêu chí nông thôn mới.

Qua thực tế khảo sát tại một số địa phương:

Tại tỉnh Hà Giang, ở một số huyện thì nhu cầu cần được đầu tư các công trình nước hiện nay còn rất lớn. Do không có nguồn nước, thiếu đất sản xuất, đời sống của đồng bào nơi đây hết sức khó khăn. Chi tính Xã Tả Phìn, huyện Đông Văn, tỉnh Hà Giang hiện có 631 hộ/3.051 khẩu đang thiếu nước sản xuất, sinh hoạt; hiện tại chỉ có 1 hồ treo dung tích 4.600m³ phục vụ cho 151 hộ/680 khẩu và có 459 hộ được hỗ trợ xây 459 bể nước dung tích 4m³ và 1 công trình nước tập trung. Để đáp ứng nhu cầu tối thiểu của người dân cần được xây 7 hồ treo để chứa nước phục vụ đời sống của nhân dân trong xã.

Tại Cao Bằng: Phần lớn các xã của các huyện Bảo Lâm, Bảo Lạc giao thông đi lại hết sức khó khăn, thiếu nước trầm trọng từ 4-6 tháng trong một năm. Một số xã dọc tuyến biên giới phải sang các bản liền kề của Trung Quốc để xây nương đổi lại phía ta phải chấp nhận để người Trung Quốc sang đất của ta để chăn thả trâu bò, chặt cây, lấy quả.

Tại tỉnh Quảng Nam: Tình trạng lở đất, sạt mòn đất phổ biến ở rất nhiều xã của các huyện Bắc Trà My, Nam Trà My không đủ đất sản xuất, nước sản xuất, giao thông trong vùng, mưa lũ hết sức khó khăn

c. Về kinh tế

- Về đất sản xuất: Đối với các xã, thôn có nhiều núi đá, có độ dốc lớn thiếu đất sản xuất nghiêm trọng. Có một số nơi có đủ diện tích đất sản xuất theo quy định nhưng đất xấu, bạc màu canh tác trong điều kiện khắc nghiệt nên năng suất thấp chưa đáp ứng lương thực phục vụ đời sống, tình trạng thiếu lương thực, đói giáp hạt đối với vùng này vẫn còn xảy ra.

Đất canh tác chủ yếu là đất nương rẫy xen với đá, diện tích đất để canh tác phụ thuộc vào sức khai phá của người dân và thay đổi hàng năm do tập quán luân canh.

- Về sản xuất nông nghiệp: Sản xuất chủ yếu theo quy mô nhỏ lẻ (hộ gia đình), phân tán mang tính tự cung, tự cấp. Cây lương thực chính của các xã, thôn có nhiều núi đá chủ yếu là cây ngô được trồng 1 vụ trồng trên nương, trong các thung lũng đá... Cây lúa chỉ chiếm diện tích rất ít (huyện Mèo Vạc, Hà Giang chỉ chiếm 6-7% tổng diện tích canh tác). Phương thức canh tác còn lạc hậu. Do đặc thù về mặt tự nhiên nên ở một số nơi nếu tính trên tổng diện tích đất nông nghiệp so với mật độ dân số về nguyên tắc “không thiếu đất”. Nhưng do các vùng này có nhiều bất lợi so với những địa bàn có điều kiện địa hình, khí hậu thời tiết thuận lợi; đất sản xuất của đồng bào thường ở xa nguồn nước, xa các trục đường giao thông, độ dốc và xen lẫn với đá nên thường tốn công lao động nhiều hơn. Sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên; cây trồng hàng năm chủ yếu là ngô, sắn (trồng 1 vụ) do địa hình núi đá độ dốc lớn nên tỷ lệ bị rửa trôi, bạc màu rất cao, năng suất kém.

- Cây trồng hàng năm chủ yếu là ngô, sắn, lúa (lúa nương) nhưng diện tích rất ít, sản lượng đạt thấp, chỉ trồng được 1 vụ. Như tổng diện tích trồng cây lương thực (ngô, lúa nương) của huyện Đông Văn là 7.398,1 ha; trong đó diện tích trồng ngô: 6.591,5 ha chiếm 89,09%, diện tích trồng lúa chỉ có 806,6 ha bằng 11,7%.

- Sản xuất lâm nghiệp; Với địa hình đất dốc nhiều núi đá nên diện tích rừng không nhiều, các loại cây trồng cũng như rừng tự nhiên chủ yếu là loại thông 3 lá, cây sa mộc và một số loại cây khác có khả năng thích ứng tốt với điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng.

Đối với cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả chủ yếu trồng phân tán rải rác tại các hộ gia đình như chè, thảo quả, táo, mận, đào. Diện tích trồng ít, chủ yếu phân tán theo hộ gia đình, sản phẩm không trở thành hàng hoá, chỉ phục vụ tại chỗ, tiêu thụ không đáng kể.

- Chăn nuôi, do điều kiện về đất đai không có đồng cỏ, bãi chăn thả nên phát triển chăn nuôi đại gia súc chưa phát triển, chủ yếu chăn nuôi theo qui mô hộ gia đình nhỏ lẻ và đa dạng (trâu, bò, lợn, gia cầm); từ 2007 đến nay các hộ dân tộc thiểu số thuộc diện đặc biệt khó khăn đã vay vốn với mức hỗ trợ lãi suất vay 100% để mua trâu, bò chăn nuôi nhưng đàn gia súc khu vực này không nhiều.

Thu nhập bình quân đầu người vùng này rất thấp, thấp hơn so với vùng dân tộc và miền núi nói chung, nếu so với khu vực thành thị còn thấp hơn rất nhiều Thu nhập bình quân đầu người của vùng dân tộc miền núi là 4,2 triệu đồng/người/năm

vào năm 2010 bằng 1/6 thu nhập bình quân của cả nước, đối với các xã đặc biệt khó khăn thu nhập bình quân đầu người mới đạt 3,3 triệu đồng;

d. Về xã hội

- Tỷ lệ hộ nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn đã giảm từ 47% đầu năm 2006 xuống 28,8% năm 2010. Tuy nhiên tỷ lệ hộ nghèo ở các vùng này luôn ở mức cao nhất so với các vùng khác, bình quân chung ở mức 60%, ở những vùng nhiều núi đá, có độ dốc lớn tỷ lệ còn cao hơn nhiều, có nơi lên mức trên 70%; Thực tế khảo sát ở một số địa phương cho thấy nguy cơ tái nghèo và rủi ro của người dân đối với các xã, thôn đặc biệt khó khăn có nhiều núi đá, độ dốc lớn là rất lớn so với các xã đặc biệt khó khăn ở những vùng khác. Nguyên nhân do địa hình, do thiếu đất sản xuất, nước sản xuất và sinh hoạt, do trình độ dân trí, do nguồn thu nhập chính của người dân ở nơi đây là từ nông nghiệp năng xuất lao động thấp, không ổn định do thường xuyên ảnh hưởng bởi thiên tai, rét đậm rét hại, dịch bệnh và ảnh hưởng của giá cả thị trường.

- Nguồn nhân lực vùng dân tộc và miền núi chủ yếu chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ 89,5%. Trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở chưa đạt chuẩn quy định, chưa đáp ứng được với yêu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay. Chất lượng nguồn nhân lực thấp đã cản trở khả năng tiếp thu kiến thức khoa học và công nghệ, đây cũng là một nguyên nhân dẫn tới tình trạng vùng dân tộc, miền núi còn nghèo, chậm phát triển.

- Đào tạo nghề, giải quyết việc làm: hiện nay tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo của khu vực này chiếm rất cao 98%. Trong thời gian qua đã có một số chương trình đào tạo nghề được triển khai, nhưng số người được đào tạo nghề không nhiều; có nơi chỉ đạt 2-3% so với tổng số người trong độ tuổi lao động. Tỷ lệ người không có việc làm chiếm trên 60% nhất là vào thời gian nông nhàn; tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo chiếm rất cao có nơi lên đến 98%.

- Công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh tuy đã được quan tâm; song thực tế người dân ở địa bàn này được hưởng các chính sách của nhà nước về khám chữa bệnh theo bảo hiểm y tế là rất ít. Một phần do người dân ở rải rác xa các cơ sở khám chữa bệnh, giao thông đi lại khó khăn; một phần do kinh tế khó khăn không có tiền để chi tiêu cho việc đi lại, ăn ở tại các cơ sở y tế. Hơn nữa cơ sở khám chữa bệnh tuy đã được đầu tư nhưng chưa đồng bộ, đội ngũ cán bộ y bác sĩ còn thiếu, hầu hết ở các trạm y tế tuyến xã đều do y sĩ, y tá đảm nhận, chưa có bác sĩ chuyên khoa, nên ở tuyến xã chủ yếu thực hiện sơ cứu ban đầu và khám chữa các bệnh đơn giản thông thường.

- Tình trạng du canh, du cư của một bộ phận đồng bào dân tộc còn diễn biến phức tạp. Hiện nay, trên phạm vi cả nước vẫn còn 28.630 hộ, tương ứng với 135.

426 khẩu còn du canh, du cư. Số hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện đặc biệt khó khăn cần Nhà nước hỗ trợ về mọi mặt còn trên 200.000 hộ.

- Bản sắc văn hoá truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp, tiếng nói chữ viết của một số dân tộc hiện nay đang có nguy cơ bị mai một, đồng hoá, pha tạp bởi văn hoá dân tộc khác. Đội ngũ cán bộ ở cơ sở còn thiếu về số lượng, hạn chế về chất lượng, chất lượng cán bộ chưa đạt chuẩn theo quy định. Việc truyền đạo trái phép, phát triển đạo không bình thường diễn biến phức tạp ở một số nơi.

đ. Những rủi ro rất lớn đối với vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn:

Do khí hậu không thuận lợi, địa hình chia cắt, độ dốc lớn, cây trồng không phát triển, thường xuyên bị mất mùa, sản lượng thấp, thiếu lương thực, thiếu chất đốt, thiếu nước sản xuất và sinh hoạt nên đời sống của đồng bào hết sức khó khăn..

Khi xảy ra thiên tai, thường kéo theo trình trạng mất đất sản xuất và các công trình phúc lợi làm cho đời sống, sản xuất của người dân ở vùng này vốn đã khó, lại càng khó khăn thêm.

Những năm qua, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thường xuyên diễn ra thiên tai, dịch bệnh đã gây thiệt hại lớn cả về tài sản và tính mạng đối với đồng bào dân tộc thiểu số ở các địa bàn núi đá, có độ dốc lớn.

2.2. Tình hình và kết quả thực hiện chính sách dân tộc ở vùng dân tộc và miền núi

Giai đoạn 2006 - 2010, trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi thực hiện nhiều chương trình, chính sách phát triển kinh tế xã hội. Chính sách bao phủ khá đầy đủ trên các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ cho đời sống, sản xuất, nâng cao dân trí, bảo tồn văn hóa, hỗ trợ phát triển cho một số dân tộc thiểu số rất ít người... Trong đó, tập trung ưu tiên cho vùng khó khăn, các xã, thôn đặc biệt khó khăn. Hệ thống chính sách đã có những tác động đáng kể đến sự phát triển của vùng dân tộc và miền núi, nhất là vùng ĐBKK. Một số kết quả của hệ thống chính sách đã tác động tích cực đối với vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn

Dưới tác động của hệ thống chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung, cùng với sự đóng góp của một số chính sách phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo đối với vùng dân tộc và miền núi những năm qua đã có những tăng trưởng và phát triển rất đáng kể. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của các vùng dân tộc và miền núi duy trì ở mức khá cao; vùng miền núi phía Bắc đạt hơn 10%, Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung 12%, Tây Nguyên 12,5% và Nam bộ là 12%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng các ngành: dịch vụ, thương mại, công nghiệp; tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp giảm nhưng vẫn chiếm trên 50%

bước đầu đã phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, tiếp cận thị trường. Sự nghiệp y tế, văn hóa, giáo dục đạt được những kết quả đáng ghi nhận, dân trí ngày một nâng lên, chăm sóc sức khỏe ngày một tốt hơn. Các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước đến với vùng dân tộc và miền núi ngày một sâu, rộng hơn. Các chính sách đã được thực hiện thời gian qua trên nhiều lĩnh vực, do các Bộ ngành quản lý, trong giới hạn đề án này chỉ nêu kết quả cụ thể của một số chương trình, chính sách do Ủy ban Dân tộc quản lý, cụ thể như sau:

- Chương trình 135 giai đoạn 2 thực hiện giai đoạn 2007 – 2010 trên địa bàn 1.848 xã đặc biệt khó khăn và 3.274 thôn đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực II. Trong 5 năm triển khai thực hiện, tổng ngân sách Trung ương của Chương trình đầu tư, hỗ trợ theo 3 dự án (hợp phần) và tổng kinh phí thực hiện chính sách là 14.024,7 tỷ đồng. Trong đó, có 350 triệu USD (tương đương 6.200 tỷ đồng) là vốn hỗ trợ của 7 nhà tài trợ quốc tế; ngoài ra còn kinh phí đầu tư của các địa phương và vốn đóng góp của người dân địa phương cho các hoạt động của Chương trình.

- Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn theo Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg thực hiện giai đoạn 2004 – 2008 và Quyết định số 1592/2009/QĐ-TTg thực hiện năm 2010

Hỗ trợ nhà ở: Sau 4 năm thực hiện (2004-2008), Tổng ngân sách TW đã bố trí 4.473,9 tỷ đồng, nhiều tỉnh đã chủ động bố trí ngân sách địa phương (đổi ứng 20% so với ngân sách Trung ương). Ngoài ra còn huy động nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp hỗ trợ thêm cho các hộ gia đình dân tộc thiểu số nghèo để xây dựng 373.400 ngôi nhà, đạt 111% kế hoạch

Về đất ở: đã hỗ trợ được 1.552 ha cho tổng số 71.713 hộ, đạt 82% kế hoạch.

Về đất sản xuất: được triển khai tại 43 tỉnh, với tổng diện tích đất sản xuất đã hỗ trợ là 27.763 ha cho 85.563 hộ. Vùng Đông Nam bộ có tỷ lệ hoàn thành cao nhất so với kế hoạch (đạt 98% về số hộ, 88% về diện tích), tiếp theo là vùng Bắc Trung Bộ (đạt 61% về số hộ, 54% về diện tích). Thấp nhất là vùng Đông Bắc và Tây Bắc (chỉ đạt 34% về số hộ, 38% về diện tích).

Về nước sinh hoạt: đối với nước sinh hoạt phân tán, cả nước đã hỗ trợ cho 198.702 hộ, đạt 71% kế hoạch. Đối với công trình nước sinh hoạt tập trung đã xây dựng được 4.663 công trình, đạt 77% kế hoạch. Nhìn chung các công trình nước đầu tư tập trung mới thực hiện được ở những địa bàn thuận lợi về nguồn nước tự chảy, điều kiện thi công thuận lợi chi phí vào giá thành công trình thấp. Còn những địa bàn khó khăn hơn về nguồn nước như địa bàn chia cắt có nhiều núi đá, độ dốc lớn những địa bàn không có nguồn nước, giao thông đi lại khó khăn, suất

đầu tư cao, hầu hết chưa được đầu tư hoặc được đầu tư nhưng với mức bình quân, dàn trải.

Quyết định số 134/QĐ-TTg đã hết hiệu lực thực hiện nhưng một số nội dung chưa đạt được mục tiêu đề ra như: hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt. Quyết định 1592/QĐ-TTg ngày 12/10/2009 Thủ tướng Chính phủ được ban hành về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt đến năm 2010 cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, với tổng nhu cầu vốn là 7.906 tỷ đồng, nhưng năm 2011 - 2012 mới cấp được 1.050 tỷ đồng/ 7.906 tỷ đồng (đạt 13,2 % so với tổng nhu cầu vốn).

- Chính sách cho vay vốn phát triển sản đối với hộ dân tộc thiểu số ĐBKK theo Quyết định 32/2007/QĐ-TTg và Quyết định 126/2008/QĐ-TTg thực hiện giai đoạn 2007 – 2010 và năm 2011

Tổng số hộ có nhu cầu vay vốn là 275.365 hộ với nhu cầu vốn 1.376,8 tỷ đồng. Từ năm 2007 đến năm 2011, ngân sách trung ương đã bố trí 732.930 tỷ đồng/1.376,8 tỷ đồng, đạt 53% so với nhu cầu vốn cho cả giai đoạn, giải quyết cho 100.565/275.365 hộ vay để phát triển sản xuất. Việc chuyển hình thức hỗ trợ cấp phát sang hình thức cho vay tín dụng đã tạo bước chuyển đáng kể trong nhận thức của đồng bào tự vươn lên thoát nghèo; góp phần hạn chế tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của nhà nước, từng bước ổn định sản xuất và đời sống cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đặc biệt khó khăn. Nguồn vốn vay đã mang lại hiệu quả thiết thực nhiều hộ đã sử dụng đồng vốn vay đúng mục đích và đã trả được vốn vay, tỷ lệ xử lý rủi ro thấp.

- Chính sách hỗ trợ đồng bào định canh định cư theo Quyết định 33/2007/QĐ-TTg và Quyết định 1342/QĐ-TTg

Đến nay, mới ổn định cho 2.795 hộ, đạt 9,4% tổng số hộ ĐCĐC, chủ yếu là các hộ ĐCĐC xen ghép; riêng các đối tượng thực hiện định canh, định cư tập trung chưa thực hiện được do các điểm ĐCĐC tập trung đang được đầu tư cơ sở hạ tầng (chưa có điểm ĐCĐC tập trung nào hoàn thành do thiếu vốn đầu tư). Tính đến nay (4 năm thực hiện) vốn cấp theo kế hoạch hàng năm mới đạt 21% so với tổng nhu cầu vốn đã được Thủ tướng phê duyệt. Hiện nay trên địa bàn cả nước còn 29.718 hộ/140.313 nhân khẩu của 261 xã, 144 huyện thuộc 35 tỉnh. Tại Quyết định số 1342/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch vốn thực hiện chính sách cho giai đoạn 2008 -2012 là 2.717 tỷ đồng.

- Chính sách trợ giá, trợ cước các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống theo Nghị định 20/CP và Nghị định 02/CP của Chính phủ: Trong giai đoạn 1998 - 2006, Ngân sách nhà nước đã bố trí 1.900 tỷ đồng và giai đoạn 2007 - 2009 là 1.291,5 tỷ đồng để thực hiện trợ giá, trợ cước cho một số mặt hàng thiết yếu

như; trợ giá giống mới cho các loại cây trồng, trợ cước vận chuyển cho các mặt hàng phân bón, muối I ốt, dầu hỏa thấp sáng, giấy vở học sinh cho các đối tượng chính sách thuộc khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Mặc dù đã đạt những kết quả tích cực, song do xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, nội dung chính sách cần có sự điều chỉnh phù hợp để phát huy hiệu quả cao hơn, ngày 07 tháng 8 năm 2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg thay thế cho chính sách trợ giá trợ cước. Trong hai năm 2010-2011 ngân sách Trung ương đã bố trí 1.165,874 tỷ đồng để hỗ trợ cho 9.860.453 nhân khẩu thuộc các xã vùng II và vùng III.

- Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã: Chương trình trung tâm cụm xã (TTCX) được triển khai từ năm 1997. Qua tổng kết 9 năm (1997 -2005) thực hiện chương trình Chương trình đã đạt được những kết quả quan trọng; Theo kế hoạch, giai đoạn 2008 - 2010 có 325 trung tâm cụm xã được phê duyệt đầu tư xây dựng trong đó: 290 trung tâm cụm xã đang đầu tư dở dang phải dừng lại do thiếu vốn và hết kế hoạch về thời gian thực hiện, 35 trung tâm cụm xã đầu tư mới (các trung tâm này thuộc diện đã quy hoạch nhưng không có vốn để thực hiện hoặc thuộc vùng biên giới, vùng sâu vùng xa và khu vực mới chia tách địa giới hành chính). Kế hoạch vốn cần được bổ sung để thực hiện các TTCX đến năm 2013 là 1.360,807 tỷ đồng.

c. Hạn chế

Qua kết quả thực hiện một số chính sách trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi đã cho thấy hệ thống chính sách còn mang tính nhiệm kỳ, thời gian thực hiện ngắn; nguồn lực thực hiện hầu hết các chính sách rất hạn chế, không đáp ứng được nhu cầu, chưa bao phủ được hết địa bàn và đối tượng thụ hưởng, định mức vốn chưa đủ mạnh, đầu tư còn dàn trải chưa tập trung (Quyết định 1592 vốn cấp mới đáp ứng được 13% nhu cầu, Quyết định 33 vốn cấp mới đạt 21% so với kế hoạch, Quyết định 32 vốn cấp mới đạt 53% kế hoạch). Vì vậy, hầu hết các chính sách khi hết hiệu lực thực hiện chưa đạt được mục tiêu đề ra.

Hệ thống chính sách được thực hiện mang tính bình quân, chưa đảm bảo được tính công bằng, bình đẳng đối với mọi đối tượng trên cùng một địa bàn, nhưng có những đặc thù khó khăn hơn, địa bàn rộng hơn cần phải đầu tư, hỗ trợ phải cao hơn; chưa có cơ chế chính sách đầu tư tài chính đặc thù cho vùng dân tộc và miền núi thuộc các địa bàn núi đá, độ dốc lớn. Việc lồng ghép các chính sách trên cùng một địa bàn còn hạn chế, hiệu quả chính sách chưa cao.

2.3. Sự cần thiết phải ban hành chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai

Nhằm xóa đói, giảm nghèo bền vững, thời gian qua vùng dân tộc và miền núi đã thực hiện các chương trình, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội, đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, đến nay vùng dân tộc và miền núi vẫn là vùng khó khăn nhất, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, có nơi cao nhất trong cả nước, tỷ lệ hộ nghèo năm 2009 của cả nước là 12.9% trong khi đó tại các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn là 31,2 % (gấp 2,5 lần so với trung bình của cả nước); nhất là vùng có nhiều núi đá và độ dốc lớn, ở một số huyện có nhiều núi đá có tỷ lệ hộ nghèo như huyện Đồng Văn, huyện Mèo Vạc là 63,88%, huyện Mù Cang Chải là 80,4%, Trạm Tấu là 77,3% tỉnh Yên Bái (năm 2011); thu nhập bình quân đầu người thấp hơn nhiều so với bình quân chung

Ở vùng núi đá, độ dốc lớn có điều kiện địa hình tự nhiên chia cắt, khí hậu khắc nghiệt là địa bàn khó khăn có tính đặc thù. Địa bàn đó ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của đồng bào, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, thiếu đất sản xuất, thiếu nước sinh hoạt nghiêm trọng, đời sống của đồng bào còn hết sức khó khăn. Hệ thống cơ sở hạ tầng tuy đã được quan tâm xây dựng nhưng cho đến nay vẫn còn thiếu và yếu kém; Thời gian qua tuy đã có nhiều chương trình chính sách đầu tư cho vùng dân tộc và miền núi, nhưng do nguồn vốn từ ngân sách Trung ương cấp hàng năm thấp, nên nhiều công trình cơ sở hạ tầng, nhiều chính sách chỉ mới xây dựng đến huyện, đến trung tâm xã, chưa đến được các thôn, bản, các nhóm hộ ở vùng sâu, vùng xa.

Những năm qua, các chính sách được đầu tư thực hiện chủ yếu theo hướng bình quân chưa có cơ chế, chính sách đầu tư, tài chính đặc thù cho những địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn hơn, nguồn lực thực hiện chưa đủ mạnh đáp ứng với yêu cầu thực tế.

Để tiếp tục thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc, vùng dân tộc và miền núi cần được tiếp tục thực hiện các chính sách phát triển kinh tế xã hội với cơ chế, chính sách đặc thù tập trung cho những vùng khó khăn nhất thuộc các vùng đặc biệt khó khăn nhằm giúp những vùng này có điều kiện để phát triển hoà nhập vào sự phát triển chung của đất nước; hạn chế sự gia tăng khoảng cách giữa các vùng, giữa các dân tộc

Vì vậy, Ủy ban Dân tộc đề xuất tiêu chí lựa chọn những thôn bản, xã khó khăn hơn trong những xã/ thôn đặc biệt khó khăn thuộc địa bàn núi cao, độ dốc lớn thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai để đề xuất xây dựng và thực hiện chính sách đặc thù. Chính sách đặc thù cho vùng này với cơ chế và chính sách ưu đãi cao hơn nhằm giúp cho đồng bào các dân tộc thiểu số xóa đói giảm nghèo, ổn định và cải thiện cuộc sống. Đảm bảo sự công bằng, bình đẳng trong việc thực hiện chính sách dân tộc trong vùng dân tộc và miền núi. Do vậy, xây dựng và thực hiện

chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai là hết sức cần thiết

Quá trình xây dựng chính sách, Ủy ban Dân tộc đã tiếp thu kiến nghị của các địa phương, của các cử tri đại biểu quốc hội tại các kỳ họp quốc hội khoá XI; thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng chính sách. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan khảo sát, nghiên cứu để xây dựng chính sách tại một số địa phương (Hà Giang, Lai châu, Điện Biên, Cao bằng, Quảng Nam...). Đã ban hành văn bản đề nghị các địa phương (gửi 34 tỉnh) rà soát chính sách, đánh giá hiệu quả việc thực hiện chính sách và đề xuất nhu cầu thực hiện chính sách đặc thù. Tất cả các tỉnh (100%) đều đề nghị cần thiết phải xây dựng chính sách đặc thù cho vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn với cơ chế chính sách đặc thù riêng.

Cơ quan soạn thảo đã tổ chức 2 cuộc hội thảo vùng (phía Bắc và miền Trung và Tây Nguyên) với đại diện của 29 tỉnh (mỗi tỉnh gồm Đại diện Lãnh đạo các sở ngành như Ban Dân tộc, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động Thương binh và Xã hội mỗi tỉnh chọn đại diện lãnh đạo của 01 huyện vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn; Các đại biểu tham dự hội thảo đều nhất trí về chủ trương xây dựng chính sách đặc thù là rất cần thiết

Sau khi tổng hợp ý kiến tại các cuộc hội thảo và hoàn thiện các văn bản dự thảo, cơ quan soạn thảo đã gửi xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan bằng văn bản, đã đăng tải dự thảo Tờ trình và Quyết định chính sách trên trang tin điện tử của Ủy ban Dân tộc. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Ủy ban Dân tộc đã hoàn thiện các văn bản dự thảo và báo cáo giải trình những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

III. Nội dung chính sách

1. Mục tiêu: Triển khai thực hiện chính sách đặc thù nhằm đạt các mục tiêu sau

1.1. Mục tiêu chung

- Di dời, bố trí dân cư ở những nơi không thể khắc phục được do thiếu đất, thiếu nước sản xuất nghiêm trọng, có nguy cơ sạt lở, lũ ống, lũ quét, tạo điều kiện cho hộ đồng bào có nơi ở ổn định; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, có đủ điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói, giảm nghèo; góp phần bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và giữ vững an ninh, chính trị, trật tự - an toàn xã hội tại các địa phương.

- Thực hiện mục tiêu giảm nghèo theo Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ 2011 đến 2020

1.2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2016, phấn đấu đạt các mục tiêu sau:

- Hoàn thành cơ bản việc ổn định dân cư, ổn định nơi ở và sản xuất cho các hộ ở vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai

- 70% số thôn bản thuộc diện nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai có đủ các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu, phù hợp với quy hoạch chung và theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết ưu tiên đường giao thông, điện, nước sinh hoạt, thủy lợi, lớp học, nhà mẫu giáo, trạm y tế xã ;

- 100% số hộ thuộc các thôn bản có nhiều núi đá; độ dốc lớn thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai được hỗ trợ nước sinh hoạt, được tiếp cận với các dịch vụ xã hội, trong đó trên 70% số hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;

- Tại các thôn, bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai không còn hộ đói, mỗi năm giảm 2 - 3% số hộ nghèo. Nâng cao bình quân thu nhập đầu người gấp 2 lần so với hiện nay.

2. Phạm vi áp dụng

Chính sách này được áp dụng cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai trên phạm vi cả nước theo tiêu chí quy định.

3. Đối tượng: Hộ, nhóm hộ dân tộc thiểu số thuộc xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai.

4. Tiêu chí xác định xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai.

a. Thôn, bản có nhiều núi đá phải có đủ các tiêu chí sau:

- Là thôn, bản thuộc diện đặc biệt khó khăn;
- Có trên 50% diện tích tự nhiên là núi đá trở lên;
- 50% số hộ trở lên không có đất, thiếu đất canh tác từ 1/2 theo định mức quy định chung của địa phương/hộ trở lên;
- Thiếu nước sinh hoạt và sản xuất.

b. Thôn, bản có độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai phải có đủ các tiêu chí:

- Là thôn, bản thuộc diện đặc biệt khó khăn;
- 50% diện tích đất canh tác của thôn có độ dốc từ 50⁰ trở lên;

- Thường xuyên bị ảnh hưởng nặng nề bởi rét đậm, rét hại hoặc lũ ống, lũ quét, hạn hán;

- Thiếu nước sinh hoạt và nước sản xuất.

c. Xã có nhiều núi đá phải có đủ các tiêu chí sau:

- Là xã thuộc diện đặc biệt khó khăn;

- Có từ 50% số thôn, bản có diện tích núi đá từ 50% trở lên;

- Thiếu nước sinh hoạt và sản xuất;

- Thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai như hạn hán, lũ ống, lũ quét, rét đậm rét hại;

d. Xã có độ dốc lớn thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai phải có đủ các tiêu chí sau:

- Là xã thuộc diện đặc biệt khó khăn;

- Xã có từ 50% trở lên số thôn, bản đặc biệt khó khăn có độ dốc lớn;

- Thiếu nước sinh hoạt và sản xuất;

- Thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai như hạn hán, lũ ống, lũ quét, rét đậm rét hại.

5. Nội dung chính sách

a. Đối với những xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai như lũ ống, lũ quét, hạn hán, rét đậm, rét hại, có nguy cơ sạt lở cao không thể khắc phục được phải di chuyển đến nơi ở mới thuận lợi hơn thì được hưởng các chính sách sau:

- Được ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng thiết yếu bao gồm: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san gạt đất ở, khai hoang đất sản xuất, xây dựng đường giao thông, điện, thủy lợi nhỏ, công trình nước sinh hoạt (công trình nước sinh hoạt tập trung, khoan giếng, xây bể chứa nước), trường lớp học, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản và các công trình thiết yếu khác theo nhu cầu thực tế.

- Được hỗ trợ di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi ở mới

- Các hộ di chuyển theo quy hoạch, kế hoạch được hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Nghị quyết 30a/2009/NQ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về Chương trình giảm nghèo nhanh bền vững đối với 62 huyện nghèo và được hỗ trợ 20 triệu đồng/ha khai hoang tạo nương xếp đá, nương bậc thang, 10 triệu đồng/ha phục hồi sản xuất nông nghiệp;

b. Đối với những hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã, thôn có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai định cư tại chỗ được ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình nước sinh hoạt (các công trình nước tập trung, bể chứa nước, hồ treo...)

c. Hỗ trợ đời sống: Đối với những hộ đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã, thôn có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai thiếu đất sản xuất theo mức quy định được trợ cấp gạo ăn thường xuyên, mức hỗ trợ từ 10 – 13kg/ người/ tháng.

6. Về cơ chế quản lý, thực hiện

- Triển khai thực hiện chính sách: Căn cứ vào các quy định tại Quyết định này các địa phương rà soát, xác định đối tượng, lập dự án đầu tư hỗ trợ cho từng xã, thôn bản trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; gửi các bộ, ngành chức năng thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Hàng năm Trung ương phân bổ vốn cho các địa phương để thực hiện các dự án theo kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nguồn ngân sách TW hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương trong kế hoạch hàng năm (ghi thành mục riêng). Các địa phương huy động các nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, hỗ trợ từ cộng đồng, lồng ghép các chính sách để tổ chức thực hiện chính sách có hiệu quả;

- Các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện theo cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành.

- Đối với các xã, thôn thuộc diện đối tượng theo Quyết định này vẫn được thực hiện các chính sách khác hiện hành trên địa bàn. Nếu có chính sách trùng với chính sách quy định tại Quyết định này thì thực hiện chính sách với định mức cao hơn.

7. Vốn và nguồn vốn

- Vốn: Nhu cầu vốn được xác định trên cơ sở thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch vốn của các địa phương.

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

8. Giải pháp thực hiện

a. Giải pháp công tác quy hoạch, kế hoạch: Cần tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi, quy hoạch dân cư gắn với quy hoạch phát triển sản xuất nông lâm nghiệp đối với địa bàn có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên ảnh hưởng thiên tai (lũ ống, lũ quét) của từng vùng, từng địa phương. Những địa

phương đã có quy hoạch tổng thể về bố trí dân cư cần tiến hành rà soát lại mục tiêu, phạm vi, đối tượng, hệ thống giải pháp cho phù hợp với nội dung của chính sách đặc thù này.

b. Giải pháp về vốn: Tập trung ưu tiên nguồn vốn đầu tư, phối hợp và lồng ghép các nguồn vốn khác trên địa bàn để đầu tư các công trình thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh như đường đến trung tâm xã và thôn bản, hồ chứa nước, kênh mương thủy lợi, trạm y tế xã, trường học cấp nước sinh hoạt, sắp xếp ổn định dân cư đối với nơi có nguy cơ sạt lở, lũ ống lũ quét.

Thực hiện quản lý chặt chẽ trong quá trình đầu tư, hỗ trợ; công khai minh bạch về vốn của từng công trình và nội dung, định mức hỗ trợ trực tiếp cho hộ và người dân.

c. Công tác tuyên truyền vận động để thực hiện chính sách: Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội và các cơ quan thông tin đại chúng để tuyên truyền, vận động nhân dân hiểu rõ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực tham gia cùng chính quyền các cấp thực hiện chính sách đạt hiệu quả.

d. Đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ xã, thôn bản về năng lực quản lý tổ chức thực hiện chương trình, chính sách trên địa bàn. Tập huấn, hướng dẫn cho các hộ áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm nghiệp;

- Trên cơ sở điều kiện của hộ, vốn hỗ trợ và ngành nghề đã được tập huấn, đào tạo hướng dẫn các hộ xây dựng phương án phát triển sản xuất ổn định để nâng cao thu nhập.

đ. Tạo điều kiện và có chính sách thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất, dịch vụ, du lịch sinh thái tại chỗ tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương.

e. Công tác kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn việc thực hiện chính sách: Các Bộ, ngành, các địa phương xây dựng kế hoạch định kỳ và tổ chức kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện chính sách. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng công trình cũng như quá trình thực hiện các nội dung hỗ trợ.

9. Thời gian thực hiện: Từ năm 2012 đến năm 2020

Riêng năm 2012 sẽ bố trí vốn thực hiện dồn vào các năm bắt đầu từ năm 2013

10. Tổ chức thực hiện

a. Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương

- Ủy ban Dân tộc:

+ Chủ trì, phối hợp với Bộ KH&ĐT hướng dẫn địa phương khảo sát, bình chọn các xã thôn bản để đầu tư, hỗ trợ theo tiêu chí của Trung ương quy định;

+ Chủ trì phối hợp với Bộ KH&ĐT, Bộ TC, Bộ NN&PTNT, Bộ TN&MT thẩm tra các xã, thôn bản có nhiều núi đá; độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai;

+ Tổng hợp (các dự án, vốn) xã, thôn bản có nhiều núi đá độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai của các tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

+ Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trong việc bố trí vốn thực hiện kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

+ Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Chính sách cho các xã, thôn bản có nhiều núi đá; độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai. Định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ (đồng gửi các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội) kết quả thực hiện chính sách.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính thẩm định kế hoạch vốn để thực hiện chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phối hợp với Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài chính hàng năm ưu tiên phân bổ nguồn vốn để thực hiện chính sách trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Bộ Tài chính:

+ Phối hợp với Ủy ban Dân tộc và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hàng năm ưu tiên phân bổ nguồn vốn để thực hiện chính sách trình Thủ tướng Chính phủ.

+ Hướng dẫn cơ chế tài chính quản lý, thực hiện chính sách phát triển kinh tế xã hội đặc thù cho các xã, thôn có nhiều núi đá; độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai;

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì hướng dẫn các địa phương rà soát lại quy hoạch sản xuất sắp xếp dân cư cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương theo nội dung nông thôn mới.

Hướng dẫn các địa phương thực hiện vốn hỗ trợ sản xuất tăng thu nhập cho các xã, thôn bản và công tác khuyến nông, khuyến lâm.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì hướng dẫn các địa phương rà soát lại quy hoạch, phân loại các loại vùng đất có nhiều núi đá, độ dốc, đất sản xuất ... làm căn cứ để xây dựng chính sách

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan kiểm tra, thanh tra việc thực hiện phân loại các xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai

- Các Bộ, ngành Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ của mình hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương ưu tiên thực hiện các chương trình, dự án do Bộ, ngành mình quản lý đối với các xã, thôn có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai nhằm nâng cao hiệu quả của chính sách.

b. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh có đối tượng, địa bàn hưởng chính sách.

1. Chỉ đạo các sở, ban ngành chính quyền các cấp tổ chức việc xác định địa bàn các thôn, bản, xã để thụ hưởng chính sách.

2. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc lập, thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư bố trí ổn định dân cư

3. Xây dựng dự toán vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương hàng năm để thực hiện các dự án ĐCĐC gửi Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của chương trình, chính sách, dự án khác trên địa bàn phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra trong quá trình thực hiện chính sách đảm bảo đúng đối tượng, đúng địa bàn, dự án đảm bảo chất lượng và hiệu quả cao, chống lãng phí, tiêu cực, thất thoát;

Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình thực hiện chính sách, kế hoạch, các dự án với Ủy ban Dân tộc để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

ỦY BAN DÂN TỘC

BỘ TƯ PHÁP

Số: 8974/BTP – PLDSKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2012

V/v góp ý dự thảo Tờ trình, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn, bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012-2020

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Trả lời Công văn số 868/UBND- CSĐT ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban Dân tộc về việc góp ý Dự thảo Tờ trình, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn, bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012-2020 (sau đây gọi là dự thảo), Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản, Bộ Tư pháp nhất trí về sự cần thiết ban hành chính sách đặc thù đầu tư, hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở các xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn, thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai nhằm giúp đồng bào dân tộc thiểu số xóa đói, giảm nghèo, ổn định và cải thiện cuộc sống. Tuy nhiên, để bảo đảm sự thống nhất về nội dung dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định với dự thảo Đề án, đồng thời bảo đảm thực hiện đúng trình tự, thủ tục soạn thảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của chính sách trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc thêm một số vấn đề sau đây:

1.1. Theo Hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thì dự thảo Quyết định được trình bày theo hình thức của văn bản quy phạm pháp luật. Đề nghị cân nhắc lại vấn đề này vì Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án không phải là văn bản quy phạm pháp luật (khoản 2 Điều 61 Nghị định số 24/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008). Để bảo đảm tính thống nhất giữa nội dung dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định với dự thảo Đề án, đề nghị cơ quan chính lý lại tên gọi và nội dung dự thảo Quyết định theo hướng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án.

1.2. Theo đánh giá tại trang 4, trang 5 dự thảo Tờ trình và trang 12 dự thảo Đề án thì một trong những hạn chế của các chính sách trên địa bàn vùng

dân tộc và miền núi cho thấy hệ thống chính sách còn mang tính nhiệm kỳ, thời gian thực hiện ngắn, nguồn lực thực hiện còn hạn chế, không đáp ứng được nhu cầu, chưa bao phủ hết địa bàn và đối tượng thụ hưởng, định mức vốn chưa đủ mạnh, đầu tư còn dàn trải, thiếu tập trung. Do đó, hầu hết các chính sách khi hết hiệu lực thực hiện chưa đạt được mục tiêu đề ra. Hệ thống chính sách còn mang tính bình quân, chưa bảo đảm tính công bằng, bình đẳng đối với mọi đối tượng trên cùng một địa bàn nhưng có những đặc thù khó khăn hơn; chưa có chính sách đầu tư tài chính đặc thù cho vùng dân tộc và miền núi thuộc các địa bàn núi đá, độ dốc lớn...

Về cơ bản, Bộ Tư pháp nhất trí với những đánh giá nêu trên của cơ quan chủ trì soạn thảo, tuy nhiên, một số giải pháp đề cập tại mục 8 của Đề án thì còn chung chung. Đề nghị xác định cụ thể các giải pháp cần thiết để khắc phục được những tồn tại, bất cập nêu trên, đồng thời cũng nên đề xuất một số giải pháp trong dài hạn vì Đề án dự kiến được triển khai thực hiện đến năm 2020.

Đối với các bất cập về cơ chế chính sách thì ngoài việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung xây dựng kế hoạch thì cần phải nghiên cứu để bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung nhằm từng bước hoàn thiện chính sách. Bên cạnh đó, cũng cần rà soát đối chiếu các chính sách hiện hành nhằm tránh sự chồng chéo, lãng phí nguồn lực trong quá trình triển khai thực hiện.

1.3. Theo quy định tại Điều 3 dự thảo Quyết định thì một trong những nội dung của chính sách này là các đối tượng là hộ ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai như lũ ống, lũ quét, hạn hán... được ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng thiết yếu bao gồm: Bồi thường giải phóng mặt bằng, san gạt đất ở, khai hoang đất sản xuất, xây dựng đường giao thông...

Theo quy định tại Điều 4 dự thảo Quyết định thì nguồn vốn để triển khai thực hiện nội dung tại Điều 3 dự thảo Quyết định là nguồn vốn từ Ngân sách Trung ương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Để bảo đảm tính khả thi của chính sách, bảo đảm sự đồng thuận trong quá trình xem xét, thông qua chính sách này, Bộ Tư pháp đề nghị:

(i) Cơ quan soạn thảo cần tính toán, dự trù nguồn kinh phí cần thiết để triển khai thực hiện.

(ii) Cần lấy ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về vấn đề nguồn vốn để thực hiện chính sách.

(iii) Cần làm rõ các phương án dự kiến trong việc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài nguồn ngân sách cấp.

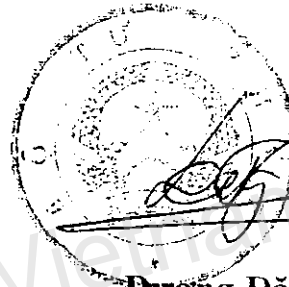
Trên đây là ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp về Dự thảo Tờ trình, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn, bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, xin gửi Ủy ban Dân tộc. *ky*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT Đình Trung Tụng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT.

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ



Dương Đăng Huệ

Số: 4150/BTNMT-KH

V/v góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai

Hà Nội, ngày 3/ tháng 10 năm 2012

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

ST: 3636
05/11/2012

Phức đáp Công văn số 868/UBNDT-CSĐT ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban Dân tộc về việc góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đặc thù hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách đặc thù đầu tư trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012-2020.

2. Một số vấn đề cần lưu ý:

- Khoản 1, Điều 2 đề nghị sửa lại tiêu đề như sau: "Thôn, bản có nhiều núi đá thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai phải có đủ các tiêu chí sau"; bổ sung tiêu chí "Thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai như hạn hán, lũ ống, lũ quét, rét đậm, rét hại".

- Khoản 3, Điều 2 đề nghị sửa lại tiêu đề như sau: "Xã có nhiều núi đá thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai phải có đủ các tiêu chí sau".

- Tại Điều 3 về nội dung chính sách, cần bổ sung làm rõ việc hỗ trợ, bố trí, sắp xếp tái định cư đối với những hộ ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên ảnh hưởng thiên tai như hạn hán, lũ ống, lũ quét, rét đậm, rét hại, nguy cơ sạt lở cao, không thể khắc phục được phải di chuyển đến nơi ở mới.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính gửi Ủy ban Dân tộc để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Minh Quang (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ KH.

by Dan

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



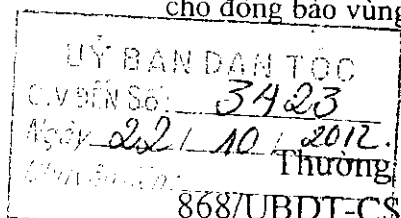
Nguyễn Văn Đức

Số: 287 / HĐDT

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2012

V/v: ý kiến đóng góp về DT Tờ trình, Quyết định chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ ĐCĐC cho đồng bào vùng núi đá, độ dốc lớn...

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc



Thường trực Hội đồng Dân tộc của Quốc hội nhận được văn bản số 868/UBNDT-C\$DT ngày 5/10/2012 của Ủy ban Dân tộc đề nghị tham gia ý kiến vào dự thảo Tờ trình, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn, bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012 - 2020”, sau khi nghiên cứu văn bản, Thường trực Hội đồng Dân tộc có ý kiến như sau:

Đối với đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng và đồng bào các dân tộc sinh sống ở vùng có nhiều núi đá, độ dốc lớn, khí hậu thời tiết khắc nghiệt, thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai; đất đai bị rửa trôi, xói mòn; diện tích đất sản xuất nông nghiệp ít, thiếu đất ở, đất sản xuất, thiếu nguồn nước, sản xuất khó phát triển, năng suất cây trồng, vật nuôi thấp... kinh tế kém phát triển nên đời sống hết sức khó khăn. Với những tác động không thuận của điều kiện tự nhiên, thời tiết, khí hậu, con người chỉ có thể hạn chế phần nào tác hại, không thể thay đổi hoàn toàn những điều kiện đó. Trong khi, vì an ninh quốc gia, vì “phên dậu”, biên cương của Tổ quốc... người dân vẫn tiếp tục tồn tại và bám trụ trên những vùng này. Việc Nhà nước có chính sách đặc thù hỗ trợ cho đồng bào sống ở những vùng này, nhằm giải quyết khó khăn bất cập do tự nhiên đem lại, góp phần ổn định và phát triển cuộc sống của đồng bào có một vị trí và ý nghĩa hết sức quan trọng trong thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, trong bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia.

Quan điểm của Thường trực Hội đồng Dân tộc hoàn toàn nhất trí việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư cho đồng bào ở các xã, thôn bản sống ở những địa bàn có nhiều núi đá, độ dốc lớn, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012 - 2020.

Về cơ bản, Thường trực Hội đồng Dân tộc nhất trí với nội dung Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Quyết định của Ủy ban Dân tộc, thể hiện:

Trong quá trình thực hiện, Cơ quan soạn thảo đã thực hiện đúng các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nội dung của Tờ trình đã làm rõ được sự cần thiết phải ban hành chính sách; một số chương trình dự án đã được đầu tư và kết quả thực hiện ở vùng này

cũng như những bất cập hiện nay trong việc thực hiện chính sách từ đó đề xuất nội dung của chính sách hỗ trợ đầu tư.

. Dự thảo Quyết định đã thể hiện đối tượng cũng như phạm vi áp dụng đó là đồng bào ở các xã, thôn, bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai mà không phân biệt đồng bào dân tộc thiểu số hay dân tộc Kinh; đã xây dựng tiêu chí để xác định xã, thôn, bản thụ hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư cũng như nội dung chính sách hỗ trợ đầu tư.

. Tuy nhiên, Thường trực Hội đồng Dân tộc có một số ý kiến đóng góp đối với văn bản Dự thảo:

1. Về tên gọi chính sách:

Theo chúng tôi, mặc dù điều kiện tự nhiên hết sức khó khăn, nhưng cộng đồng đồng bào các dân tộc đã bám trụ trên những vùng đất này để tồn tại và phát triển, để bảo vệ gìn giữ đất đai, bảo vệ biên cương của Tổ quốc hàng bao đời nay, ngoại trừ một bộ phận nhỏ du canh, du cư. Vì vậy, tên của chính sách nên bỏ cụm từ “*định canh, định cư*” để khỏi nhầm với các chính sách khác, cụ thể tên gọi nên là: “***Chính sách đặc thù đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào ở các xã thôn, bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012 - 2020***”.

2. Về đối tượng và phạm vi áp dụng:

- *Thứ nhất*, hiện nay, Ủy ban dân tộc đang được giao chủ trì soạn thảo nhiều chính sách mới cũng như nhiều chính sách hiện hành có liên quan đến địa bàn và đối tượng như trong dự thảo, ví dụ chính sách định canh, định cư; chính sách các dân tộc đặc biệt khó khăn; di dân vùng thiên tai đặc biệt khó khăn... Vì vậy, cần có khảo sát, đánh giá phân loại cụ thể để làm rõ mức độ khác nhau về phạm vi, đối tượng trong các loại chính sách, từ đó mới có thể xác định tính đặc thù và chính sách đặc thù áp dụng cho đối tượng sinh sống ở vùng núi đá, có độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai.

Thứ hai, trong dự thảo có đề cập đến tiêu chí xác định *thôn, bản, xã có nhiều núi đá, thôn, bản, xã có độ dốc lớn, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai*, trong chính sách có đầu tư hạ tầng cho cộng đồng... vậy đối tượng thực hiện chính sách mới chỉ đề cập đến hộ và nhóm hộ là chưa đủ.

3. Về nội dung dự thảo Đề án, Tờ trình, Quyết định:

3.1. Để đảm bảo tính khả thi cao trong việc ban hành và thực hiện chính sách, đề nghị ngoài việc phân tích kết quả cũng như tồn tại việc thực hiện chính sách dân tộc do Ủy ban Dân tộc được giao chủ trì thực hiện như: Chương trình 135, chính sách theo Quyết định 134-TTg, chính sách theo Quyết định 33-TTg, chính sách cho vay vốn... thì cần phải tổng hợp và phân tích kết quả thực hiện cũng như

tồn tại, vướng mắc trong việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác đang được vận hành và thực hiện ở địa bàn này như: chính sách hỗ trợ và đầu tư phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; chính sách khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; chính sách y tế, giáo dục; chính sách ổn định dân cư biên giới; Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu vực bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng 2015 theo Quyết định 193-TTg...

Bổ sung vào đề án, Tờ trình kết quả điều tra, khảo sát thực trạng đời sống của đồng bào ở các địa phương sống ở các vùng có điều kiện trên, tình hình đói nghèo; những khó khăn đặc thù của vùng này là những vấn đề gì...

3.2. Để tính toán và cân đối được nguồn lực hỗ trợ đầu tư nhằm đảm bảo tính khả thi khi chính sách được ban hành, cần phải bổ sung số liệu điều tra để làm rõ: Với các tiêu chí như dự kiến sẽ có bao nhiêu hộ, bao nhiêu thôn, bản, bao nhiêu xã cần phải hỗ trợ đầu tư? Dự kiến có bao nhiêu điểm dân cư cần phải di dân tái định cư? Ở địa phương nào? Trong số các đối tượng đáp ứng các tiêu chí mà chính sách đưa ra thì có bao nhiêu xã, thôn, bản đã và đang thực hiện các chính sách khác như di dân biên giới, Dự án sắp xếp bố trí dân cư vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định 193-TTg... Với chính sách đầu tư hỗ trợ như trong dự thảo thì kinh phí hàng năm dự kiến là bao nhiêu và huy động, bố trí từ nguồn lực nào?

3.3. Đề nghị phân tích rõ tính đặc thù của chính sách được thể hiện như thế nào, khác với các chính sách hỗ trợ, đầu tư khác ra sao?

Theo dự thảo chính sách thì *"Đối với những hộ ở những thôn, bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai như lũ ống, lũ quét, hạn hán, rét đậm, rét hại, có nguy cơ sạt lở cao không thể khắc phục được, phải di chuyển đến nơi ở mới thuận lợi hơn, thì được hưởng các chính sách sau:*

Được ngân sách Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu bao gồm: Bồi thường, giải phóng mặt bằng, san gạt đất ở, khai hoang đất sản xuất, xây dựng đường giao thông, điện, thủy lợi nhỏ, công trình nước sinh hoạt (công trình nước sinh hoạt tập trung, khoan giếng, xây bể nước), trường lớp học, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản và các công trình thiết yếu khác theo nhu cầu thực tế".

Tuy nhiên, theo Quyết định 193-TTg thì chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng cho các dự án, trong đó có Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn là: *"Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng: ngân sách Nhà nước hỗ trợ từ nguồn vốn đầu tư phát triển để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tại địa bàn bố trí dân cư, bao gồm: bồi thường, giải phóng mặt bằng; san gạt đất ở tại điểm tái định cư; khai hoang đất sản xuất; giao thông; thủy lợi nhỏ; nhà trê, mẫu giáo,*

trường, lớp học bậc tiểu học và trung học cơ sở; trạm y tế; hệ thống nước sinh hoạt và một số công trình thiết yếu khác theo yêu cầu thực tế". Vậy giữa Dự thảo chính sách này so với chính sách đã có theo Quyết định 193-TTg có gì đặc biệt?

3.4. Hiện nay, vấn đề khó khăn nhất của vùng này là thiếu mặt bằng để tạo đất ở, đất sản xuất; kinh phí xây dựng hạ tầng cao hơn nhiều lần so với vùng khác; khó khăn về nguồn nước; sản xuất nông, lâm nghiệp bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi rét đậm, rét hại, sương muối; canh tác ở độ dốc cao nên đất đai bị rửa trôi, xói mòn; năng suất cây trồng, vật nuôi thấp... Vì vậy, chính sách đặc thù hỗ trợ đầu tư cho vùng này nên thiết kế theo hướng:

- Về thời gian thực hiện chính sách:

Chúng ta chỉ có thể hạn chế được những tác hại do điều kiện tự nhiên gây nên mà không thể thay đổi được điều kiện tự nhiên của những vùng này, vì vậy những nội dung hỗ trợ đầu tư của chính sách nên có thời hạn, những nội dung hỗ trợ để khắc phục những bất thuận của thời tiết gây ra trong sản xuất nông lâm nghiệp thì nên hỗ trợ hằng năm và lâu dài.

- Về đất ở:

Nhà nước cần phải san ủi mặt bằng để tạo thành các điểm dân cư hạ sơn tập trung. Đồng thời xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cuộc sống của người dân và tiếp tục thực hiện các năm về sau.

- Về nguồn nước: Nhà nước đầu tư khoan khai thác nước ngầm, xây bể chứa nước, hồ treo trên núi...

- Về đất sản xuất: Nhà nước hỗ trợ đầu tư khai hoang tạo quỹ đất, xây dựng ruộng bậc thang, nương xếp đá, áp dụng kỹ thuật canh tác trên đất dốc, áp dụng các biện pháp chống rửa trôi, xói mòn, nâng cao độ phì nhiêu của đất.

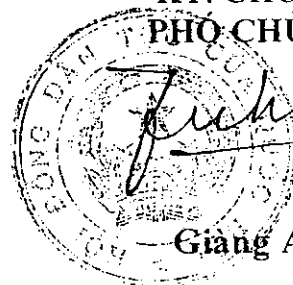
- Về hỗ trợ sản xuất, phát triển ngành nghề nâng cao đời sống: Nhà nước có chính sách hỗ trợ vật tư, phân bón, tạo giống cây, con phù hợp với điều kiện tự nhiên, sinh thái của vùng; chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu lao động theo hướng phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống, sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển du lịch...

Trên đây là một số ý kiến đóng góp, Thường trực Hội đồng Dân tộc gửi đến Ủy ban Dân tộc nghiên cứu, tham khảo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các ĐC TTHĐDT;
- LĐ Vụ Dân tộc VPQH;
- Lưu VT, Vụ DT.
- (E-pass: 45983)

TM. HỘI ĐỒNG DÂN TỘC
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



—Giảng A Chu

*Chị Silvia Top hay - Lưu Hải Long gửi Bộ Tài chính thẩm định
9/11/2012
Minh*

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9095/BKHĐT-KTĐPLT
V/v Tham gia góp ý cho dự thảo Tờ
trình, Quyết định của Thủ tướng
Chính phủ

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2012

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Ủy ban Dân tộc có Văn bản số 868/UBNDT-CSĐT ngày 5/10/2012 về việc xin ý kiến tham gia Dự thảo Báo cáo, Tờ trình, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chính sách hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến tham gia như sau:

1. Về một số chính sách có nội dung tương tự :

Trong thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các quyết định hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc về định canh, định cư (Quyết định 33/2007/QĐ-TTg, Quyết định 1342/QĐ-TTg), bố trí lại dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng (Quyết định 193/2006/QĐ-TTg), hỗ trợ đất sản xuất, đất ở và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn (Quyết định 134/2004/QĐ-TTg, Quyết định 1592/QĐ-TTg, Quyết định 74/QĐ-TTg)... những chính sách hỗ trợ này hiện nay vẫn được tiếp tục thực hiện, các Bộ, ngành đang trình Thủ tướng Chính phủ cho phép kéo dài hoặc điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới.

Ngoài các chính sách hỗ trợ riêng về định canh định cư, đất đai, nước sinh hoạt, giải quyết việc làm, trên địa bàn các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc hiện nay Chính phủ cũng đã tập trung nguồn lực đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng thiết yếu thông qua các chương trình hỗ trợ có mục tiêu như Chương trình 135 giai đoạn III, Nghị quyết 30a về giảm nghèo bền vững các huyện nghèo, chương trình nước ăn vùng cao Hà Giang, Cao Bằng, các chính sách hỗ trợ các dân tộc ít người...

Những chính sách nói trên có nội dung hỗ trợ và địa bàn thực hiện tương tự với những đề xuất của Ủy ban Dân tộc trong Dự thảo Quyết định gửi Thủ tướng Chính phủ. Do đó, Ủy ban Dân tộc cần cân nhắc nội dung hỗ trợ, tránh để xảy ra trùng lặp chính sách trên địa bàn (trong báo cáo Giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2010 cũng đã đề cập đến việc trùng lặp nhiều chương trình hỗ trợ về nước trên địa bàn vùng dân tộc, thiểu số).

Hiện nay, các chính sách này được Ủy ban Dân tộc chủ trì, xây dựng hoặc phối hợp xây dựng giai đoạn tiếp theo trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Do đó, Ủy ban Dân tộc cần nhắc việc trùng lặp nội dung hỗ trợ và đề xuất lồng ghép vào một chính sách để thuận lợi trong triển khai thực hiện.

2. Về nội dung cụ thể của Dự thảo:

- Về đối tượng: đề nghị quy định rõ các dân tộc thiểu số (không bao gồm dân tộc Kinh), trong dự thảo quy định là các dân tộc.

Đề nghị cần nhắc việc hỗ trợ chỉ áp dụng cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và cận nghèo, không mở rộng ra các đối tượng khác.

- Về tiêu chí xác định xã, thôn, bản:

Đối với tiêu chí xã, thôn, bản thiếu nước sinh hoạt và sản xuất : đề nghị cần quy định rõ hơn. (ví dụ : quy định tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc trong một thôn, bản thiếu nước sinh hoạt và sản xuất, tỷ lệ số thôn, bản trong một xã thiếu nước sinh hoạt và sản xuất).

- Về tiêu chí hạn hán, lũ ống, lũ quét, rét đậm, rét hại: đề nghị cũng cần quy định chặt chẽ hơn, chỉ tính đến những địa bàn chịu ảnh hưởng của thiên tai : lũ ống, lũ quét, hạn hán nặng xảy ra thường xuyên trong một thời gian nhất định; đối với tiêu chí về rét đậm, rét hại sẽ bao phủ địa bàn quá rộng.

- Về nội dung chính sách hỗ trợ:

+ Đối với những hộ di chuyển đến nơi ở mới: đề nghị chỉ hỗ trợ cơ sở hạ tầng ở các cộng đồng hoặc các điểm tái định cư mới, nếu cần thiết có thể quy định mức tối thiểu số hộ/điểm tái định cư. Mỗi hộ, cộng đồng, điểm tái định cư chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ về hạ tầng một lần trong cả giai đoạn thực hiện và nếu đã được hưởng hỗ trợ từ các chính sách định canh, định cư khác thì không được hỗ trợ từ chính sách này.

+ Về hỗ trợ nước sinh hoạt: đối với những thôn, bản, cộng đồng, hộ gia đình đã được hỗ trợ các công trình nước theo các chính sách hỗ trợ khác, thì không được hưởng hỗ trợ từ chính sách này.


+ Về chính sách hỗ trợ đời sống cấp gạo cho đồng bào dân tộc: đề nghị chỉ quy định hỗ trợ trong thời gian bị thiên tai, (3-6 tháng), không hỗ trợ trong một quá trình quá dài như đề xuất của Ủy ban Dân tộc.

- Đề nghị cần bổ sung các chính sách về hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tín dụng ... cho đồng bào nhằm tạo điều kiện cho đồng bào vươn lên tự thoát nghèo bền vững. Hạn chế việc cấp không cho đồng bào gây nên tâm lý ỷ lại, trông chờ vào hỗ trợ của Trung ương.

- Về nguồn vốn thực hiện:

Đề nghị cần quy định rõ cần có hỗ trợ nguồn vốn từ ngân sách địa phương, bố trí đối ứng từ 10-20% vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương. Những địa phương không bố trí đối ứng đề xuất sẽ có hình thức xử lý rõ ràng.

- Đề nghị Ủy ban Dân tộc cũng cần tính toán sơ bộ kinh phí dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2012-2020 hoặc giai đoạn 2013-2015 để có căn cứ tính toán nguồn vốn hỗ trợ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trên đây là ý kiến tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đề nghị Ủy ban Dân tộc xem xét, tổng hợp vào dự thảo Đề án 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ KTNN;
- Lưu: VT, KTĐP<, Định hồ;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



www.LuatVietnam.vn

Số: 15091 /BTC-NSNN

V/v tham gia ý kiến Dự thảo

Quyết định của TTCP.

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2012

Kính gửi: Ủy ban Dân tộc

Về Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách đặc thù đầu tư hỗ trợ định canh, định cư cho đồng bào ở xã, thôn bản có nhiều núi đá, độ dốc lớn, thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai giai đoạn 2012 – 2020 nêu tại công văn số 868/UBNDT-CSDT ngày 05/10/2012 Ủy ban Dân tộc; Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Do đối tượng của chính sách nêu tại Dự thảo Quyết định là một phần của đối tượng quy định tại Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, xung yếu và rất xung yếu của rừng phòng hộ, khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2015. Trong khi đó, do mức hỗ trợ của chính sách nêu tại Dự thảo Quyết định cao hơn mức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 nên sẽ không đảm bảo sự công bằng giữa đối tượng thụ hưởng chính sách này với đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006. Vì vậy, đề nghị Ủy ban Dân tộc không trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách riêng; trường hợp cần thiết ban hành chính sách này thì cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quyết định số 193/2006/QĐ-TTg ngày 24/8/2006 để áp dụng thống nhất mức hỗ trợ giữa các đối tượng thụ hưởng.

Ngoài ra, qua trao đổi với Ủy ban Dân tộc, dự kiến kinh phí ngân sách nhà nước phải bố trí để thực hiện chính sách hàng năm là khá lớn (khoảng 2.000 tỷ đồng). Trong khi đó, do ngân sách nhà nước năm 2013 rất khó khăn và dự toán 2013 cũng chưa bố trí kinh phí để thực hiện chính sách này. Vì vậy, Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban Dân tộc chưa trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách mới trong thời gian này, chỉ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành khi ngân sách nhà nước cân đối được nguồn kinh phí thực hiện.

Đề nghị Ủy ban Dân tộc tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, Vụ NSNN. 6

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Công Nghiệp